
TÀI LIỆU GIỚI THIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC
CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM

NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

HIỆN TRẠNG, THÁCH THỨC
VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC



Liberté • Egalité • Fraternité
RÉPUBLIQUE FRANÇAISE

Tài liệu này đã được soạn thảo với sự cộng tác của ông François Geay, nhà nông học, trợ lý kỹ thuật của Bộ Ngoại giao Pháp với nhiệm vụ hỗ trợ Bộ phận Hợp tác và Hoạt động văn hoá của Đại Sứ quán Pháp tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với sự tham gia của các chuyên gia thuộc các cơ quan đại diện tại Việt Nam của một số tổ chức sau:
Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)
Trung tâm Hợp tác quốc tế Nghiên cứu nông nghiệp vì sự phát triển (CIRAD)
Nhóm Nghiên cứu và Trao đổi công nghệ (GRET)
Viện Nghiên cứu Phát triển (IRD)
Thương vụ - Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội (ME)
Tổ chức Bác sỹ thú y không biên giới (VSF)

Thiết kế và in



tntdesignco@hotmail.com



LỜI NÓI ĐẦU

Từ cuối thập kỷ 80, Việt Nam đã bắt đầu tiến trình cải cách kinh tế và thể chế trên mọi lĩnh vực. Trong lĩnh vực nông nghiệp, cải cách tập trung vào tổ chức mô hình sản xuất (phi tập thể hóa và thừa nhận kinh tế hộ gia đình) và mối quan hệ giữa sản xuất với thị trường (tự do hóa lưu thông và thương mại trong nước, tự do kinh doanh).

Những cải cách này đã mang lại những thành tựu không thể phủ nhận được, trong đó phải kể đến sự tăng trưởng mạnh mẽ của sản xuất nông nghiệp, sự phát triển vượt bậc của xuất khẩu và xóa đói giảm nghèo đáng kể của người dân ở khu vực nông thôn. Nhưng các điều kiện tạo đà cho sự tăng trưởng này (tình trạng khan hiếm hàng phổ biến trên thị trường nội địa, cơ hội xuất khẩu) giờ đây đã thay đổi và những thách thức mới lại xuất hiện.

Do thu nhập của người dân ngày càng tăng, nhu cầu trong nước trở nên đa dạng hơn và đòi hỏi của người tiêu dùng đối với chất lượng sản phẩm cũng cao hơn. Mặt khác, việc mở cửa tham gia trao đổi mậu dịch quốc tế (Khu vực mậu dịch tự do của các nước Đông Nam Á, đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới) khiến cho hàng hóa Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Nông nghiệp hộ gia đình với quy mô nhỏ, dù năng động, dường như vẫn chưa được chuẩn bị và tổ chức tốt để có thể vượt qua những thách thức về cạnh tranh và chất lượng. Sau cùng, quá trình đô thị hoá và phát triển kinh tế nhanh chóng đã làm xuất hiện những vấn đề mới về phát triển công bằng (tái phân phối thành quả phát triển, đấu tranh xoá đói giảm nghèo) cũng như về quy hoạch lãnh thổ (cạnh tranh trong việc thu hút các nguồn lực, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, khác biệt gia tăng giữa khu vực thành thị và nông thôn).

Nước Pháp, với thế mạnh là một nước có truyền thống nông nghiệp lâu đời, đã phát huy nhiều kinh nghiệm về phát triển, tổ chức sản xuất và đất nông nghiệp. Nông nghiệp của Pháp đến nay vẫn dựa trên các đơn vị sản xuất là các hộ gia đình. Hiện đại hoá nông nghiệp là thành quả của sự đối thoại thường xuyên giữa chính quyền với nông dân thông qua đại diện là các hiệp hội ngành nghề. Vì vậy, nước Pháp có kinh nghiệm và những khả năng độc đáo để hỗ trợ Việt Nam trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Hoạt động hợp tác của Pháp tại Việt Nam được triển khai với nhiều công cụ hợp tác phong phú, cho phép tham gia toàn diện trong lĩnh vực nông nghiệp. Các hoạt động hợp tác của Pháp phù hợp với chiến lược phát triển của chính phủ Việt Nam, được thực hiện trên tinh thần đối tác, đối thoại, và củng cố những lợi ích chung. Các biện pháp nhằm cải thiện năng suất được tiến hành một cách tổng thể bằng việc chú trọng tới những điều kiện thực tế của địa phương và phù hợp với đại đa số người sản xuất, đặc biệt là những nông dân có hoàn cảnh khó khăn, và tính tới tác động đối với môi trường. Những nguyên tắc cơ bản này là phương châm hành động cho các hoạt động hợp tác của Pháp tại Việt Nam.

Sau phần giới thiệu vắn tắt về tình hình phát triển nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tài liệu này những nội dung và những ưu tiên hợp tác của Pháp trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong phần cuối là danh sách các chương trình và dự án hợp tác của Pháp mới đây và đang được thực hiện, minh chứng cho cam kết của nước Pháp sát cánh và hỗ trợ Việt Nam trong sự nghiệp hiện đại hoá và phát triển bền vững nông nghiệp và xã hội nông thôn.

Từ cordialment
Antoine POUILLIEUTE

Antoine POUILLIEUTE
Đại sứ Pháp tại Việt Nam

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Hiện trạng và những thách thức	5
Nông nghiệp hộ gia đình, năng động nhưng chưa được tổ chức tốt	5
Sản xuất phát triển vượt bậc và thách thức về chất lượng	6
Những thách thức của sự phát triển xã hội nông thôn	8
Môi trường và đa dạng sinh học: lợi thế bị đe dọa ?	11
Các công cụ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	13
Hợp tác kỹ thuật và thể chế	13
Hỗ trợ đầu tư	14
Nghiên cứu nông nghiệp vì sự phát triển	14
Đào tạo về nông nghiệp và chế biến nông sản	16
Những định hướng hợp tác của Pháp tại Việt Nam	17
Nâng cao hiệu quả của ngành công nghiệp chế biến nông sản	17
Nắm bắt và hỗ trợ phát triển thị trường nội địa	18
Hỗ trợ chế biến nông sản và các chính sách về chất lượng	20
Hỗ trợ hoạch định các chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn	21
Đổi mới để phát triển bền vững	23
Tạo thuận lợi cho hiện đại hóa thể chế và dịch vụ	25
Nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn	27
Danh mục theo ngành các dự án mới hoặc đang được thực hiện	28
Các dự án của Cơ quan Phát triển Pháp	28
Các dự án của Quỹ môi trường thế giới của Pháp	30
Các dự án của Bộ Ngoại giao Pháp	31
Các chương trình hợp tác về khoa học và đại học	32
Các hoạt động của các tổ chức đoàn kết quốc tế	35
Hỗ trợ của các địa phương và các cơ quan hành chính khác của Pháp	37
Danh sách tên viết tắt của các đối tác trong các dự án hợp tác của Pháp tại Việt Nam	39
Những ấn phẩm mới xuất bản	40
Những ấn phẩm đại cương	40
Nghiên cứu chuyên sâu theo ngành	41
Các tài liệu giới thiệu hoạt động hợp tác của Pháp tại Việt Nam	42



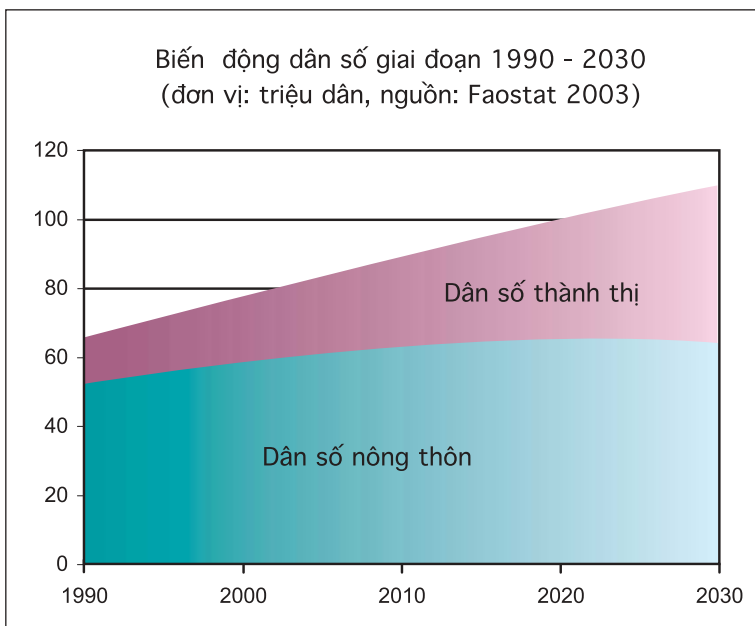
HIỆN TRẠNG VÀ NHỮNG THÁCH THỨC

NÔNG NGHIỆP HỘ GIA ĐÌNH, NĂNG ĐỘNG NHUNG CHƯA ĐƯỢC TỔ CHỨC TỐT

Việt Nam vẫn là một nước chủ yếu nông nghiệp: dân số thành thị chỉ chiếm gần 1/4 dân số cả nước trong khi tỉ lệ trung bình này ở khu vực Đông Á là 40%. Quá trình đô thị hoá và di dân được kiểm soát chặt chẽ trong suốt một thời gian dài và chỉ có điều kiện phát triển mạnh trong thời gian gần đây. Đô thị hóa gia tăng dường như là điều tất yếu ở Việt Nam, song tiến trình này cũng còn phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế tại khu vực thành thị cũng như khả năng tái cơ cấu của khu vực kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Trên thực tế, sản xuất nông nghiệp là hoạt động kinh tế chính của khoảng 12 triệu hộ gia đình ở nông thôn. Các cuộc cải cách kinh tế trong những năm 1980 đã tạo đà tăng trưởng cho nông nghiệp: trong vòng mười năm, nông nghiệp hộ gia đình đã chứng tỏ được tính năng động và hiệu quả của mình để sản xuất lương thực cần thiết cho nhu cầu trong nước, tạo thặng dư hàng hoá và một số sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam đã chiếm lĩnh được vị trí quan trọng trên thị trường quốc tế.

Nhưng hiện nay tác động của các cuộc cải cách cơ cấu dường như đã bắt đầu bộc lộ những hạn chế. Việc cá thể hoá mạnh mẽ các đơn vị sản xuất hộ gia đình, chia nhỏ đất đai và sự cạnh tranh nhằm thu hút các nguồn lực đang là những trở ngại đáng kể đối với phát triển thương mại và hiện đại hoá lĩnh vực này. Trong bối cảnh mở cửa mạnh mẽ ra thị trường thế giới, việc duy trì khả năng cạnh tranh của lĩnh vực nông nghiệp là một thử thách lớn, đòi hỏi cải thiện cơ cấu sản xuất hiện nay cho phù hợp với những thách thức của quá trình tự do hoá kinh tế. Việc phát triển các đơn vị sản xuất sử dụng nguồn vốn lớn trên thực tế là giải pháp ít phù hợp với thực trạng dân số ở Việt Nam: dân số nông thôn sẽ không giảm từ nay tới năm 2020 và trong giai đoạn này cần phải tạo việc làm để tận dụng nguồn nhân lực dư thừa mà các khu vực kinh tế khác không sử dụng hết. Bởi vậy, nông nghiệp hộ gia đình là một lợi thế kỳ diệu đã cho phép Việt Nam vừa có thể thoả mãn nhu cầu trong nước ngày càng gia tăng, vừa có thể khẳng định vị trí quan trọng của mình trên nhiều thị trường. Nhưng đồng thời nông nghiệp hộ gia đình cũng là một thách thức xã hội xét trên phương diện việc làm và đấu tranh xoá đói giảm nghèo. Chính vì vậy, việc xác định một khuôn khổ cho phép tiến hành hiện đại hóa và nền nông nghiệp thích ứng thường xuyên với những thách thức mới về kinh tế là điều thiết yếu. Sự thích ứng này đòi hỏi hoàn thiện các phương pháp sản xuất nông nghiệp mới, các dịch vụ tư vấn nông nghiệp và tài chính mới để có thể áp dụng các phương pháp này, và tìm ra các phương thức tổ chức sản xuất mới giúp người nông dân tiếp cận thị trường dễ dàng hơn. Điều này có thể đạt được thông qua tăng cường và cải thiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp: cung cấp nguyên liệu, quản lý hệ thống tưới tiêu, tư vấn thú y và giám sát dịch bệnh, kiểm soát vệ sinh và chất lượng sản phẩm, kinh doanh, tiếp cận với nhiều nguồn tín dụng, thông tin thị trường...



NGHIÊN CỨU NÔNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN NÔNG NGHIỆP: CÁC CUỘC CẢI CÁCH KHÔNG THỂ THIẾU

Việc củng cố các hệ thống sản xuất phụ thuộc vào khả năng của công tác nghiên cứu trong việc đổi mới kỹ thuật, dĩ sát hơn với các điều kiện sản xuất thực tế ở địa phương và điều phối tốt hơn hoạt động nghiên cứu hiện được giao cho nhiều đơn vị khác nhau (khoảng 30 viện nghiên cứu, trong đó 25 đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ngoài ra còn có 12 trường đại học đào tạo chuyên ngành nông nghiệp chủ yếu trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Cơ chế khuyến nông được thiết lập vào giữa thập kỷ 90 đến nay vẫn chưa hoàn thiện: nếu tất cả các tỉnh của Việt Nam đều có một Trung tâm khuyến nông, thì chỉ có 80% trong số 510 huyện trong cả nước có trạm khuyến nông và 60% trong số 8.950 xã có ít nhất 1 cán bộ khuyến nông; chỉ một số địa phương có cán bộ khuyến nông cấp thôn. Phương tiện vật chất, nhất là từ cấp huyện trở xuống, còn rất thiếu. Cuối cùng, các cán bộ khuyến nông không được đào tạo chuyên ngành từ ban đầu và rất hiếm khi được đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật và phương pháp cần thiết.

Các nhà sản xuất và các tác nhân khác trong các ngành nông nghiệp cần có khả năng đảm nhiệm vai trò quan trọng trong việc tổ chức và thâm canh nông nghiệp. Kinh nghiệm tổ chức nông dân hay các khâu của sản xuất, ví dụ các hiệp hội đa ngành nghề, vẫn còn hạn chế vì những lý do lịch sử (hiệu quả kinh tế thấp của sản xuất nông

nghiệp tập thể những năm 1960 -1980) cũng như pháp lý (khó khăn trong việc áp dụng luật Hợp tác xã ban hành năm 1996 - văn bản luật hiện hành duy nhất quy định việc tổ chức nông dân) và, xét một cách tổng thể, vì thiếu hỗ trợ và thông tin về các vấn đề này.

SẢN XUẤT PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC VÀ THÁCH THỨC VỀ CHẤT LƯỢNG

Các sản phẩm nông nghiệp chính năm 2002

Sản phẩm	Diện tích	Sản lượng
Gạo	7 539 000 ha	31 319 000 t
Ngô	780 000 ha	2 250 000 t
Đậu nành	140 300 ha	176 300 t
Lạc	245 000 ha	370 000 t
Sắn	263 900 ha	2 862 000 t
Khoai tây	244 700 ha	1 655 100 t
Cà phê tươi	420 000 ha	850 000 t
Cao su khô	418 400 ha	300 700 t
Mía đường	360 000 ha	17 640 000 t
Điều lợn hột	205 000 ha	300 000 t
Dừa	156 200 ha	977 500 t
Chè	80 000 ha	82 600 t
Hạt tiêu	35 000 ha	44 400 t

(Nguồn: Faostat)

Nông nghiệp Việt Nam tỏ ra đặc biệt năng động, vừa nhằm đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước, vừa nhằm cung cấp nguyên liệu cho các ngành xuất khẩu đang trong thời kỳ phát triển. Lĩnh vực nông nghiệp đã tăng trưởng mạnh mẽ nếu so sánh với năng suất rất thấp vào thời điểm phi tập thể hóa.

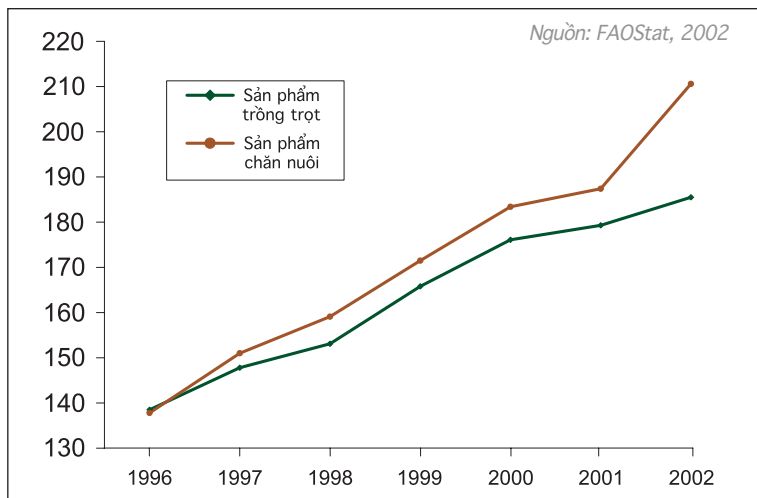
Từ 10 năm gần đây, sản lượng nông nghiệp tăng lên trước hết là kết quả của sự gia tăng sản xuất một cách nhanh chóng trên mỗi đơn vị diện tích canh tác của từng hộ gia đình. Từ khi nền kinh tế được tự do hoá với an ninh lương thực được bảo đảm, người sản xuất đã đa dạng hóa các hoạt động của mình bằng cách hướng tới những hình thức sản xuất đem lại lợi nhuận cao hơn trồng lúa. Do vậy việc trồng ngô, các loại cây dầu thực vật và giàu chất đạm, rau và quả đã phát triển mạnh mẽ, nhất là ở những vùng lân cận các thị trường đô thị.



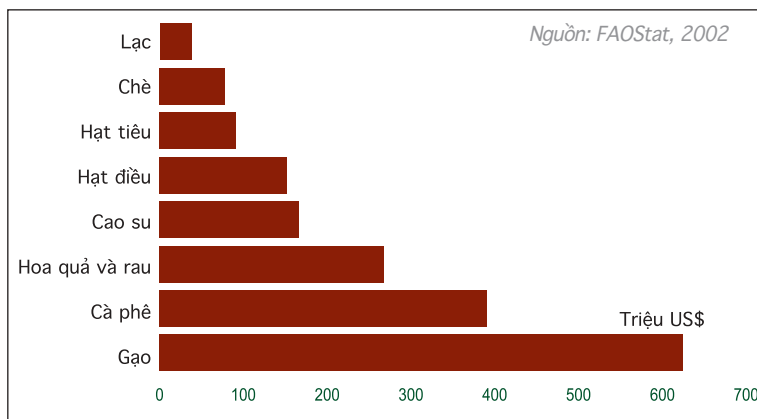
SẢN XUẤT LÚA, MỘT TRONG NHỮNG BIỂU TƯỢNG CỦA SỰ VƯƠN LÊN CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Hiện nhiên lúa là biểu tượng đầu tiên mà người ta nghĩ đến để minh họa cho sự phát triển mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp. Cách đây chưa đầy 15 năm, sản xuất lúa chỉ đủ cho tiêu dùng trong nước, giờ đây Việt Nam đã trở thành nước đứng thứ 5 về sản lượng và đứng thứ 2 về xuất khẩu lúa với gần 15% thị trường quốc tế. Sản xuất lúa ở Việt Nam chủ yếu tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng, hai khu vực này chiếm tương ứng 50% và 20% sản lượng của cả nước và tuyệt đại đa số gạo xuất khẩu.

Biểu đồ diễn biến chỉ số sản xuất nông nghiệp



Giá trị FOB các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu chính năm 2001



Với mức sống được nâng cao nhanh chóng, thói quen tiêu dùng lương thực đã có những chuyển biến rõ rệt, nhất là ở các đô thị trung tâm, với các sản phẩm tiêu dùng phong phú và đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng. Chăn nuôi, bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, là một ví dụ điển hình vì đây là ngành đã phát triển mạnh mẽ nhất trong lĩnh vực nông nghiệp trong suốt thập kỷ qua. Nhu cầu trong nước về các sản phẩm chăn nuôi là động lực chính của sự tăng trưởng này. Hiện nay, tiêu thụ các sản phẩm thịt tăng với nhịp độ hàng năm là 8,5%, các loại thủy sản là 6,1% và các sản phẩm sữa là 7,7%. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường, các ngành sản xuất thịt lợn và cá đã chiếm ưu thế trong lĩnh vực chăn nuôi, trong khi đó các ngành sản xuất sữa và thịt gia cầm cũng đang nổi lên. Với điều kiện duy trì được mức tăng trưởng kinh tế hiện nay và diễn biến ổn định của giá cả trên thị trường trong nước và quốc tế, các ngành chăn nuôi sẽ còn phát triển trong thập kỷ tới. Trong vòng 20 năm (1991 - 2010), sản lượng thịt lợn có thể tăng 150%, thịt gia cầm tăng 100% và thịt bò 30%. Sự tăng trưởng này sẽ chỉ có thể thực hiện được nếu tăng cường một cách hợp lý các hệ thống chăn nuôi mà không gây tổn hại đến môi trường và chất lượng sản phẩm.

THÂM CANH SẢN XUẤT CẦN CÓ NHỮNG LỰA CHỌN MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC

Trong bối cảnh các nguồn tài nguyên đất có hạn, sự phát triển của các ngành sản xuất nông nghiệp chủ yếu là nhờ vào việc thâm canh trên từng đơn vị diện tích canh tác. Để làm như vậy, việc hoàn thiện các quy trình kỹ thuật mới, thích hợp và độc đáo là rất cần thiết. Mô hình tổ chức của các nước công nghiệp, trong những điều kiện vật chất và con người rất khác với Việt Nam, không thể đem lại những giải pháp bền vững và có thể vận dụng trực tiếp.

Để đáp ứng được nhu cầu về đạm, thí dụ như đạm có trong thịt động vật, thì cần phải thâm canh sản xuất. Điều này đòi hỏi một phương pháp tiếp cận tổng thể đối với toàn bộ các yếu tố sản xuất trong hệ thống chăn nuôi nhằm xác định các

yếu tố chính có giới hạn như đất, lao động, đặc tính của vật nuôi. Do các đặc thù của Việt Nam (đất đai hạn hẹp, lao động dồi dào), giải pháp thích hợp là cải thiện năng suất của vật nuôi (kiểm soát năng suất, chế độ ăn, nâng cao chất lượng di truyền của các giống vật nuôi địa phương).

Công tác nghiên cứu cũng cần đồng thời phân tích các tác động về mặt xã hội và sinh thái của các quá trình này và đưa ra các giải pháp kỹ thuật cho phép giảm chi phí của việc thâm canh đồng thời đáp ứng các nhu cầu của xã hội trong thập niên tới (tăng sản lượng, cải thiện chất lượng lương thực, bảo vệ môi trường, duy trì cân bằng xã hội, giảm đói nghèo). Nghiên cứu và đánh giá lợi ích của các kinh nghiệm truyền thống là điều tiên quyết không thể thiếu để hoàn thiện những quy trình kỹ thuật mới này.

Ngành trồng cây lâu năm phát triển mạnh mẽ một phần là nhờ vào việc mở ra các khu kinh tế mới và tổ chức di dân để khai thác hết tiềm năng của các vùng này. Cà phê và sự phát triển kì diệu của ngành này ở Tây Nguyên minh họa cho cả sự năng động và những rủi ro phải gánh chịu. Trong vòng một vài năm, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu cà phê đứng thứ hai trên thế giới nhờ vào việc mở rộng nhanh chóng diện tích canh tác và áp dụng nhiều kỹ thuật thâm canh mà giờ đây nhiều nhà quan sát cho là thái quá. Sau một vài năm mang lại những khoản thu nhập lớn, ngành sản xuất này đang phải đối mặt với sự sụt giá thảm hại trên thị trường quốc tế. Trong bối cảnh khủng hoảng này, cà phê Robusta của Việt Nam với chất lượng trung bình không được đánh giá cao trên thị trường xuất khẩu. Điều này dẫn đến sự sụt giảm đáng kể của thu nhập từ các hoạt

động xuất khẩu nông sản vốn ít được đa dạng hoá. Bên cạnh đó là những ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường là yếu tố quan trọng quyết định sự bền vững của mô hình phát triển này.

Những ngành trồng trọt khác mà Việt Nam cũng đã trở thành một tác nhân quan trọng dường như có được sự phát triển thuận lợi hơn. Những ngành sản xuất này chủ yếu là hạt tiêu, hạt điều và cao su. Sản xuất đường, cho đến nay vẫn được xem là một ngành chiến lược, đã phát triển mạnh mẽ trong 10 năm qua nhờ vào những nỗ lực lớn của chính phủ trong việc đẩy mạnh sản xuất và chế biến mía đường. Hiện nay ngành này đang trải qua một cơn khủng hoảng nghiêm trọng từ trước tới nay chưa bộc lộ do có sự trợ cấp của nhà nước. Trong bối cảnh ngày càng mở cửa, việc tái tổ chức và nâng cao khả năng cạnh tranh có ý nghĩa sống còn đối với tương lai của ngành sản xuất này.

NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH BẰNG CHẤT LƯỢNG: MỘT THÁCH THỨC TO LỚN CHO MUỐI NĂM TỚI

Trong thập kỷ vừa qua, sản lượng nông nghiệp của Việt Nam đã tăng đáng kể. Một trong những thách thức lớn đối với nông nghiệp Việt Nam hiện nay là cải thiện chất lượng sản phẩm để đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng cả trên thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu. Chất lượng của một sản phẩm nông nghiệp được các thị trường đánh giá rất khác nhau và thị hiếu của người Việt Nam đôi khi xa lạ với các tiêu chuẩn phương Tây. Do vậy cần phải đáp ứng được các nhu cầu đa dạng này về chất lượng, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh về kinh tế.

NHỮNG THÁCH THỨC CỦA SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI NÔNG THÔN

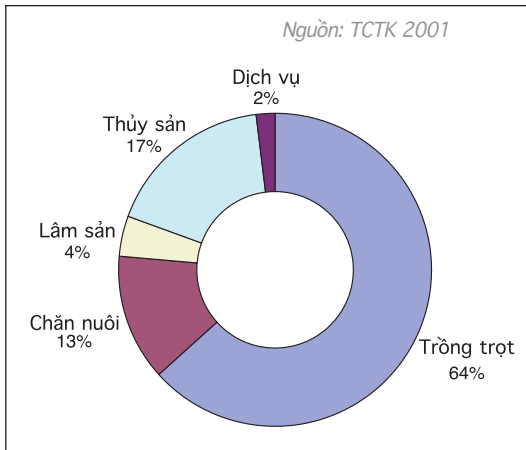
Với mức đóng góp 23,6% vào tổng sản phẩm quốc gia, nông nghiệp vẫn là một thành phần quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, ngay cả khi tỷ trọng trong nền kinh tế nhường chỗ dần cho các khu vực kinh tế khác. Xuất khẩu nông nghiệp, bao gồm tất cả các loại sản phẩm, kể cả lâm sản và thủy sản, chiếm hơn 32% khối lượng xuất khẩu của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng hàng năm của hoạt động sản xuất nông nghiệp là 3,5 - 4%, một kết quả đáng hài lòng cho dù rất thấp so với mức tăng trưởng kinh tế bình quân của Việt Nam (năm 2001 và 2002 là 7%). Bởi lẽ ngành nông nghiệp đang bước vào một giai đoạn mới của quá trình

chuyển đổi đặc biệt phức tạp.

Khó khăn đầu tiên là tình trạng dư thừa lao động ở nông thôn, trong khi diện tích đất nông nghiệp có thể khai thác được lại tương đối hạn chế. Hiện nay, hơn 76 % tổng số dân cả nước sống tại khu vực nông thôn, trong đó một nửa ở độ tuổi dưới 20. Với tốc độ phát triển hiện nay, các thành phố cũng không thể sử dụng hết số nhân công tăng lên hàng năm ở khu vực nông thôn. Bản thân hoạt động nông nghiệp cũng khó có thể phát huy được hết nguồn lao động dồi dào này. Theo ước tính, ngành nông nghiệp chỉ tận dụng được 75% tiềm năng nhân lực này.



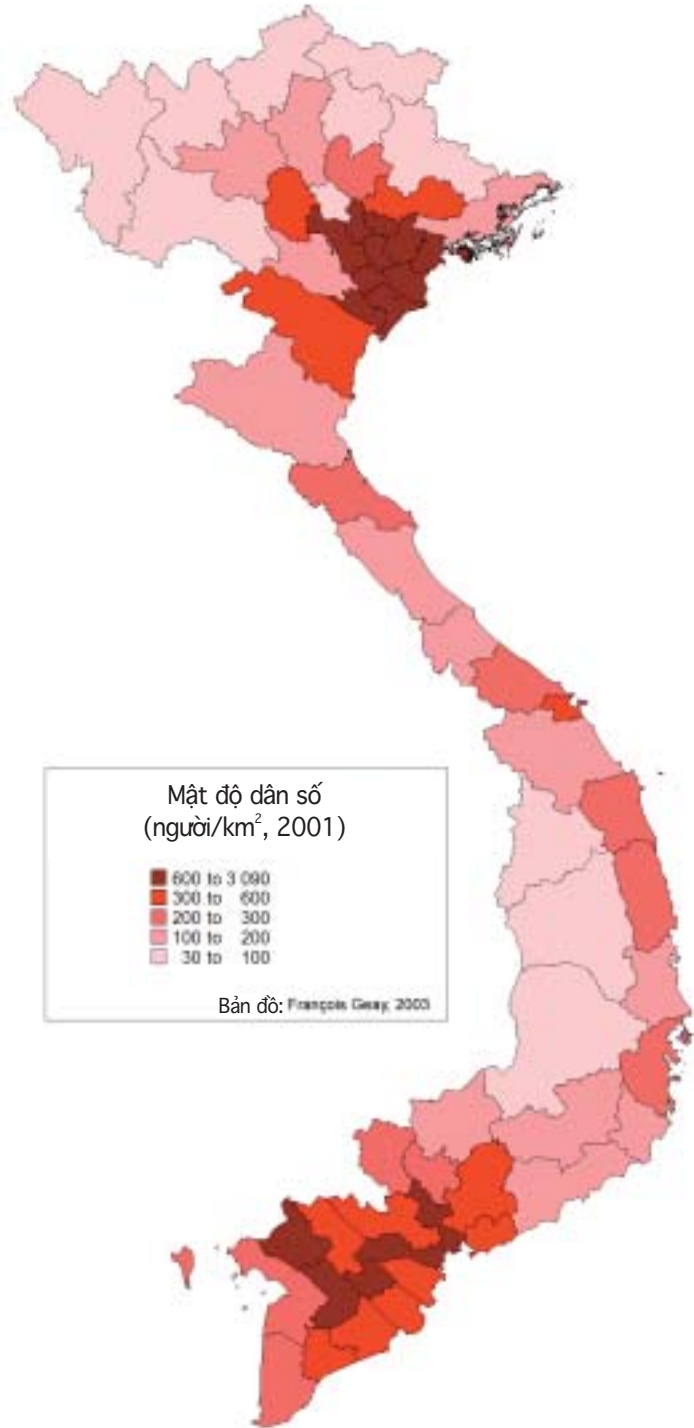
Giá trị các ngành nông nghiệp



ÁP LỰC VỀ ĐẤT ĐAI...

Đất canh tác đang trở thành vấn đề đặc biệt khó khăn đối với thế hệ trẻ ở những khu vực vốn đã rất đông dân: từ 400 đến 1000 người trên 1km^2 ở những vùng đồng bằng đông dân và hầu như chỉ luôn có hơn 50 người trên mỗi km^2 ở những vùng hẻo lánh nhất. Luật đất đai năm 1993 có quy định việc phân chia lại một cách công bằng đất nông nghiệp nhưng đồng thời cải thiện phương thức sử dụng đất của nông dân: tăng thời hạn của quyền sử dụng đất lên 20 năm đối với những loại đất trồng cây theo niên vụ và 50 năm cho những loại đất trồng cây lâu năm, với quyền thừa kế trong gia đình và quyền chuyển nhượng. Sự bảo đảm về mặt đất đai này đặc biệt tạo thuận lợi cho việc nâng cao năng suất sử dụng đất nhưng cũng làm gia tăng áp lực lên việc tiếp cận đất trong bối cảnh thị trường này vẫn chưa được pháp luật quy định đầy đủ.

Quản lý không gian đã trở thành một thách thức quan trọng cần được quan tâm đặc biệt, cho dù là ở những khu vực ven đô thị để duy trì một nền nông nghiệp sạch và bền vững hay ở các khu vực miền núi để kết hợp hài hòa hoạt động nông nghiệp và bảo vệ hệ sinh thái rừng.



Phát triển các hoạt động công nghiệp và thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn là một thách thức quan trọng nhằm tăng giá trị tạo thêm của sản xuất nông nghiệp và giải quyết vấn đề việc làm cho lực lượng lao động dư thừa và rất nhàn rỗi ở khu vực nông thôn. Hiện nay, hoạt động của ngành công nghiệp chế biến nông sản tập trung chủ yếu vào các sản phẩm xuất khẩu như cà phê, chè, sắn, các loại thủy sản hoặc một số sản phẩm tiêu dùng trong nước như đường hoặc bông. Đa số các trường hợp là những ngành sản xuất đang

trong giai đoạn cơ cấu với sự tham gia tích cực của nhà nước. Tuy nhiên, những tiến bộ quan trọng trong lĩnh vực này vẫn cần được thực hiện để các mô hình hiện nay có thể đáp ứng được những đòi hỏi của việc mở cửa thị trường: ổn định nguồn cung cấp nguyên liệu, tăng cường phối hợp giữa nông dân và nhà chế biến, nâng cao hiệu quả kinh tế và thương mại, thiết lập các quy chế cần thiết để xác định nguồn gốc xuất xứ và kiểm soát chất lượng sản phẩm v.v...

CÁC LOẠI NÔNG SẢN CẦN ĐƯỢC PHÁT HUY

Rất nhiều loại nông sản vẫn còn chưa hoặc ít được ngành công nghiệp chế biến thực phẩm phát huy giá trị, đặc biệt là tất cả các sản phẩm lương thực (chủ yếu là rau quả nhưng cũng phải kể đến các sản phẩm chăn nuôi trong gia đình...) vốn thuộc về một ngành sản xuất không cần tới vai trò trung gian của một tác nhân công nghiệp "tự nhiên" hoặc truyền thống. Đa số các loại sản phẩm này vẫn phụ thuộc vào sự chế biến thủ công hoặc mang tính gia đình, do vậy đem lại giá trị tạo thêm thấp cho sản phẩm ban đầu và chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Nhu cầu rõ rệt của người tiêu dùng, đặc biệt là ở đô thị, đối với các sản phẩm có chất lượng là động lực để ngành này phát triển nhưng chắc chắn là chưa đủ để tạo được đà cần thiết. Một sự tính toán kỹ càng về việc phát triển các hoạt động phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn là việc làm không thể thiếu để xác định các điều kiện cần thiết cho việc thành lập và đầu tư, các nhu cầu đào tạo, các hình thức tổ chức của các xí nghiệp vừa và nhỏ này.

Sự phát triển của nông thôn đòi hỏi phải tiếp tục những nỗ lực lớn của chính phủ những năm gần đây trong việc phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn. Hiện nay đa số các xã đã có những cơ sở hạ tầng cơ bản về giáo dục và y tế. Cứ 5 xã thì có

hơn 4 xã được cung cấp điện tiêu dùng. Ngược lại, tới năm 2002 chỉ có chưa đầy 1/2 số xã được dùng nước sạch và việc nâng cấp đường xá, điều kiện cần thiết để phát triển lưu thông hàng hóa, vẫn còn cần những khoản đầu tư lớn.

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN: MỘT LĨNH VỰC CHỦ CHỐT ĐỂ TIẾP TỤC CÔNG CUỘC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Trong suốt thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã đạt được những thành quả mẫu mực trong tăng trưởng kinh tế và xoá đói giảm nghèo. Nhìn chung mọi người dân Việt Nam ngày nay đều sống sung túc hơn cách đây 10 năm. Nhưng khoảng cách giàu nghèo giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn lại có chiều hướng gia tăng. Theo các số liệu chính thức², từ năm 1994 đến 1999, thu nhập bình quân ở thành phố tăng 130%, trong khi đó mức tăng trong giai đoạn này "chỉ" là 60% ở các vùng nông thôn. Năm 2001, 17% hộ gia đình Việt Nam sống dưới mức nghèo đói, tương ứng với tỷ lệ 1/3 hộ ở các khu vực miền núi, trong khi ở các khu vực đô thị tỷ lệ này là 8%. Chi phí tốn kém cho việc tiếp cận các vùng xa là nguyên nhân của sự phát triển không cân bằng giữa các vùng. Việc phân chia các thành quả tăng trưởng là kết quả của một sự suy tính mang tầm chiến lược, dựa trên những yêu cầu về quy hoạch lãnh thổ và phân tích các lợi thế so sánh dưới góc độ kinh tế xã hội.

Như vậy, vai trò kinh tế của nông nghiệp quan trọng hơn nhiều so với mức đóng góp của khu vực này vào tổng sản phẩm quốc gia. Lĩnh vực này có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của người dân sống ở nông thôn, chức năng cơ bản của nó là phát huy giá trị của đất đai, tác động của nó về mặt môi trường ảnh hưởng đến điều kiện sống của toàn bộ nhân dân. Do vậy cần phải chú ý hơn đến những đặc thù của khu vực

nông thôn để phát huy giá trị của các nguồn đầu tư của chính phủ và những đóng góp từ hỗ trợ phát triển chính thức. Nỗ lực này cần phải được thực hiện trong khuôn khổ một kế hoạch phát triển nông thôn thực sự có tính đến những nguyên tắc chung của tăng trưởng kinh tế, của sự năng động xã hội, tôn trọng môi trường và sự tái cân bằng lợi ích cho những khu vực khó khăn nhất.

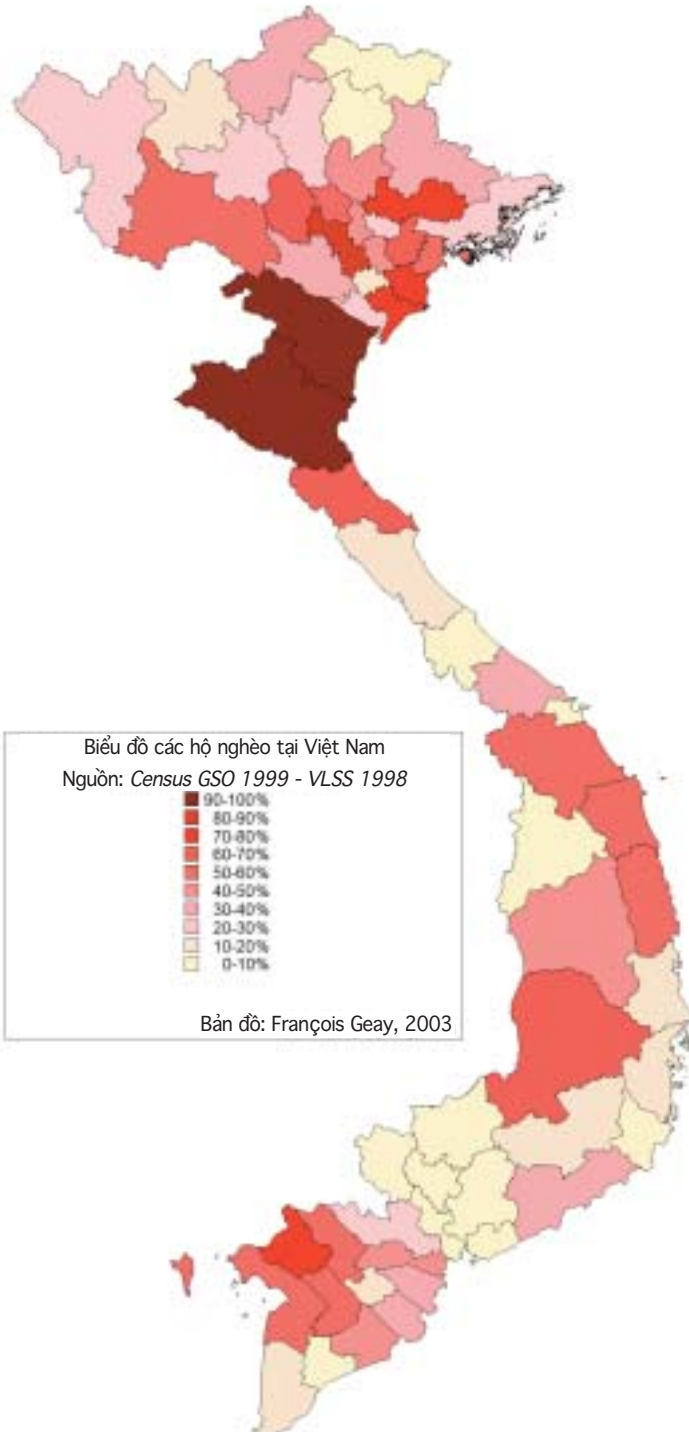
² Tổng cục Thống kê, Việt Nam, 2001.



MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC: LỢI THẾ BỊ ĐE DỌA ?

Đặc thù địa lý là một yếu tố quan trọng mà Việt Nam phải tính đến trong quá trình phát triển của mình. Địa hình đồi núi trải dài 1.600 km, từ Bắc đến Nam, từ vĩ độ 8° đến vĩ độ 23° và chiếm

75% diện tích lãnh thổ. Phần lớn dân cư sống tập trung tại hai khu vực đồng bằng châu thổ lớn là đồng bằng sông Hồng ở phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long ở phía Nam và tại một loạt các bình nguyên nhỏ nằm trên dải đất hẹp ven biển miền Trung.



Hoàn cảnh tự nhiên đặc biệt này cũng là một thế mạnh về đa dạng nông nghiệp và sinh học. Khí hậu và địa hình đa dạng cho phép phát triển nhiều loại hình canh tác (ôn đới/nhiệt đới, ẩm ướt hoặc bán khô cằn, tưới tiêu/theo mưa) và nhiều hệ thống canh tác (nhiều khả năng kết hợp và đa dạng hoá các hoạt động nông nghiệp). Các vùng trung du tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển rừng tự nhiên và trồng những giống cây dài ngày. Bờ biển dài và mạng lưới thủy văn trong đất liền cho phép nuôi trồng nhiều loại thủy sản.

Sự kết hợp giữa địa hình, khí hậu và vị trí sát biển, cùng với sự đa dạng về dân tộc đã tạo ra những vùng đất nông nghiệp đặc thù trên đó người dân đã phát triển các phương thức sản xuất nông nghiệp phù hợp. Bởi vậy, người nông dân địa phương đã chọn lọc theo năm tháng nhiều giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sản xuất của mỗi địa phương và với từng tập quán tiêu dùng truyền thống. Các quá trình chọn lọc, cải tiến và gìn giữ các giống cây trồng, vật nuôi này đã cho phép phát huy đa dạng sinh học rất quan trọng của Việt Nam.

Tuy nhiên, một môi trường như vậy rất dễ bị tổn thương. Việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên này một cách cân bằng là một hoạt động khó khăn và thường bị ảnh hưởng do các hoạt động của con người. Việc phát triển sản xuất không hợp lý, việc khai thác mỏ tại các khu vực biên giới và trong một số trường hợp việc phá hủy hoàn toàn môi trường tự nhiên sẽ tác động đến toàn bộ quá trình phát triển bền vững trong tương lai. Chẳng hạn, diện tích rừng tự nhiên hiện nay đã bị thu hẹp một cách rõ rệt - độ che phủ của rừng đã giảm một phần ba kể từ năm 1945, hậu quả trực tiếp của các cuộc chiến tranh tàn phá nhưng đồng thời cũng là kết quả của việc quản lý rừng bất hợp lý - trong khi đó những tác động của việc mất rừng đối với khí hậu, các hiện tượng xói mòn, các nguy cơ lũ lụt v.v... vẫn chưa được đánh giá đầy đủ.

XÓI MÒN, CÁC PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI VÀ NĂNG SUẤT NÔNG NGHIỆP

Xói mòn là nguyên nhân đầu tiên của thoái hóa đất trên thế giới. Ở miền Bắc Việt Nam, đất đai bị xói mòn nghiêm trọng tại các vùng đồi mới được khai khẩn ở thượng lưu sông Hồng. Xói mòn làm giảm độ màu mỡ của đất, thu hẹp các diện tích nông nghiệp, góp phần gây ô nhiễm đất và nguồn nước, lấp đầy các khu vực chứa nước...

Quản lý đất và nguồn nước tại các lưu vực dốc hiện đang được coi là một giải pháp bảo vệ rừng cũng như gìn giữ đất nông nghiệp, phát triển một nền nông nghiệp bền vững và bảo vệ đa dạng sinh học. Những giải pháp kỹ thuật hiện có cần phải được đưa vào thử nghiệm và phải tính đến các chiến lược sản xuất nông nghiệp của từng cá nhân cũng như của cả tập thể. Chúng phải được hỗ trợ bằng những chính sách phù hợp, đặc biệt về cách thức khai thác đất.

Để đáp ứng nhu cầu tăng năng suất trước mắt, nghiên cứu nông nghiệp thường ưu tiên đưa vào sử dụng các chủng loại ngoại lai. Chúng nhanh chóng chiếm ưu thế trước các chủng loại địa phương. Các giống cao sản của nước ngoài có xu hướng nhân rộng, khiến cho các giống cũ của địa phương có nguy cơ bị biến mất hoàn toàn. Tuy

nhien, chính những giống cũ của địa phương lại mang những đặc tính rất phù hợp với các môi trường tự nhiên khác nhau của Việt Nam, các giống mới của nước ngoài không những không nhiều mà đôi khi còn lai tạp, do vậy người nông dân thường khó có thể tự mình sản xuất chúng.

CÁC NGUỒN GIEN TỰ NHIÊN CHƯA ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐẦY ĐỦ

Tiềm năng thực sự của các nguồn gen địa phương vẫn chưa được đánh giá hết. Lợi ích của chúng đối với những đặc thù và khả năng thích nghi với môi trường trong sản xuất có thể là một lợi thế quan trọng trong thời gian tới. Trên phạm vi cả nước, hơn 50 dân tộc đang khai thác những hệ sinh thái khác nhau: đất trũng, cao nguyên, sườn dốc và đỉnh núi. Các hệ thống đa cây trồng - đa vật nuôi nhằm mục đích bảo đảm tự cung tự cấp cho cộng đồng kết hợp một cách phức tạp nhiều giống gia súc khác nhau (bò, trâu, ngựa, lợn, dê, gia cầm) nhưng vẫn bảo đảm cân bằng với môi trường tự nhiên.

Ngoài việc phá hủy môi trường và khai thác quá mức đa dạng sinh học (phá rừng, săn bắt trái phép), các hệ thống nông nghiệp "hiện đại" bất hợp lý còn ưu tiên khai thác một số ít các giống hoặc chủng loại cho năng suất cao nhưng đòi hỏi chi phí đầu vào cao, gây bất lợi cho các giống hoặc chủng loại địa phương vốn có khả năng chống chịu cao hơn và thích nghi tốt hơn với hệ sinh thái địa phương.

"VIỆT NAM, XỨ SỞ CỦA ĐẤT VÀ NƯỚC"

Nước, vốn có tầm quan trọng sống còn đối với Việt Nam, không tránh khỏi nguy cơ bị đe dọa. Trong khi nước tại một số vùng đôi khi nhiều đến mức nguy hiểm, một số vùng khác lại thiếu nước trầm trọng. Chất lượng nước giảm sút, đặc biệt là tại những vùng nông nghiệp ven đô và những vùng nông nghiệp có mật độ dân cư cao, do sử dụng bất hợp lý các chất hoá học, do tập trung quá nhiều các hoạt động gây ô nhiễm, nhưng lại không có những cơ sở xử lý chất thải bắt buộc. Vì vậy, việc quản lý nước có chất lượng, trong khi nguồn tài nguyên này dường như rất dư thừa, là một thách thức lớn đối với Việt Nam.



CÁC CÔNG CỤ HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

HỢP TÁC KỸ THUẬT VÀ THỂ CHẾ

Trong lĩnh vực hỗ trợ về thể chế, Pháp trợ giúp nhiều chương trình đào tạo và phát triển. Nhìn chung, hỗ trợ được thực hiện dưới hình thức viện trợ không hoàn lại và chủ yếu thông qua các dự án do Quỹ đoàn kết ưu tiên (FSP) của Bộ Ngoại giao Pháp tài trợ. Các dự án trong khuôn khổ này được tài trợ từ 1 đến 2 triệu Euro, với thời hạn trung bình là 3 năm. Dự án hỗ trợ tổ chức sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc Việt Nam (PAOPA) là một ví dụ. Dự án này đã đóng góp cho hoạt động của hai chương trình điểm về nghiên cứu và phát

triển nông nghiệp: Chương trình sông Hồng (PFR) và chương trình Hệ thống nông nghiệp miền núi (SAM).

Một số dự án do FSP tài trợ có mục đích tăng cường hợp tác cấp vùng. Chẳng hạn dự án Phát triển bền vững nông nghiệp ven đô ở Đông Nam Á có mục tiêu nâng cao năng lực của các cơ quan Nhà nước và của các tác nhân tư nhân làm nông nghiệp ở ngoại vi các thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Phnông-Pênh và Viêng-Chăn.

CÔNG CỤ TÀI TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG QUY MÔ NHỎ

Quỹ xã hội cho phát triển (FSD) có thể tài trợ các dự án thí điểm nhỏ do các chính quyền địa phương hoặc các hiệp hội thực hiện (dưới 100.000 Euros với thời hạn 1 đến 2 năm). Các lĩnh vực hoạt động ưu tiên bao gồm xóa đói giảm nghèo và đấu tranh chống bất bình đẳng.

Tất cả các dự án này đều ưu tiên phương thức tiếp cận mang tính địa phương, có huy động sự tham gia của người dân. Người dân được hưởng dự án được coi là trung tâm của tiến trình đổi mới và phát triển. Như vậy, những bài học được rút ra từ những kinh nghiệm thực tế có thể được phổ biến cho đồng đảo nhân dân, đồng thời là cơ sở để nghiên cứu cách thức hoạch định và thực hiện các chính sách phát triển phù hợp với điều kiện của địa phương.

Các dự án nêu trên, chủ yếu là các dự án trên thực địa, được hỗ trợ bằng nhiều công trình nghiên cứu chuyên ngành ở cấp vùng hoặc cấp quốc gia, được thực hiện theo đặt hàng của Cơ quan phát triển Pháp (đường, cao su, lâm sản, gạo, sản phẩm cho dầu...) hoặc trong khuôn khổ của dự án hỗ trợ quá trình thông qua quyết định và hoạch định chính sách nông nghiệp mới được triển khai (dự án MISPA, do FSP tài trợ).

Thương vụ Pháp là cơ quan đầu mối của Bộ Nông nghiệp, Lương thực, Thủy sản và Các vấn đề nông thôn trong các chương trình hợp tác về thể chế với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Thủy sản của Việt Nam. Tùy từng trường hợp cụ thể, Thương vụ Pháp tham gia vào việc giải quyết các cuộc khủng hoảng y tế. Sau cùng, Thương vụ Pháp đề xuất hai loại công cụ tài chính

có thể được sử dụng trong các lĩnh vực nông nghiệp và chế biến nông sản:

- * Quỹ hỗ trợ khu vực tư nhân (FASEP) nhằm mục đích tài trợ nghiên cứu tiền khả thi cho các dự án;
- * Quỹ dành cho các nước đang phát triển cho phép một chủ đầu tư Việt Nam vay vốn với lãi suất ưu đãi thông qua Bộ Tài chính để tài trợ các dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt.

Cuối cùng, Quỹ môi trường thế giới của Pháp (FFEM), do Cơ quan phát triển Pháp đảm nhận chức năng của một ban thư ký, có thể đóng góp tài trợ việc xử lý các tác động tiêu cực của một dự án tới môi trường nói chung thông qua các khoản viện trợ.

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Các hoạt động hợp tác đã nêu ở trên hỗ trợ cho các hoạt động hợp tác có quy mô lớn và hỗ trợ trực tiếp hoạt động sản xuất của các ngành nông nghiệp.

Cơ quan phát triển Pháp (AFD) là cơ quan đầu mối của Bộ Ngoại giao Pháp cung cấp các khoản vay có thể chuyển nhượng để tài trợ cho việc hiện đại



Dự án phát triển cây mía tại tỉnh Tây Ninh.
Xây dựng đường cấp hai - Ảnh OG - AFD

hoá và phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp lớn. Theo đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, AFD có thể xem xét các dự án có trị giá tới vài chục triệu Euro, cho phép thực hiện các khoản đầu tư vào lĩnh vực sản xuất mà Chính phủ Việt Nam mong muốn. Các khoản vay của Chính phủ Việt Nam thường được Bộ Tài chính giao lại cho các tổng công ty Nhà nước phụ trách một ngành nghề nào đó (như Tổng Công ty bông, Vinacafé hoặc Tổng Công ty cao su...) hoặc cho các công ty trực thuộc tỉnh (Công ty đường Quảng Ngãi, Công ty đường Tây Ninh...).

Các nguồn tài trợ này cũng có thể được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu đầu tư về cơ sở hạ tầng. Các nhu cầu đầu tư này có thể là các dự án quan trọng tầm cỡ quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp thực hiện, hay cũng có thể là các dự án cấp tỉnh để bổ sung cho các khoản đầu tư khác trong lĩnh vực sản xuất.

Cuối cùng, sự hỗ trợ mà AFD trong lĩnh vực tài chính đã cho phép Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (BVADR) tăng các nguồn tín dụng trung và dài hạn để ngân hàng này có thể tự đáp ứng được các nhu cầu về vay vốn của nông dân.

NGHIÊN CỨU NÔNG NGHIỆP VÌ SỰ PHÁT TRIỂN



Dự án phát triển cây mía tại tỉnh Tây Ninh.
Diện tích được tưới tiêu tại Tân Hưng - Ảnh OG - AFD

Trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, nghiên cứu rất đa dạng và có vai trò đặc biệt quan trọng, bao gồm cả nghiên cứu cơ bản lẫn nghiên cứu ứng dụng vì phát triển. Có ba loại hình cơ quan hợp tác trong nghiên cứu: Trung tâm hợp tác quốc tế về nghiên cứu phát triển nông nghiệp (CIRAD), Viện nghiên cứu phát triển (IRD) và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng. Tại Việt Nam, các cơ quan này phối hợp hoạt động với với các trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế (IRRI, IWMI, AVRDC) và với các cơ quan khác của Pháp như INRA và IFREMER. Bởi vậy, các công trình nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ liên kết giữa các cơ quan quốc tế, qua đó giúp ngành nông nghiệp Việt Nam tận dụng được những kinh nghiệm, phương pháp và thành tựu nghiên cứu mới nhất. Các đối tác Việt Nam là những cơ quan nghiên cứu của Bộ Nông



ngiệp và Phát triển nông thôn (VASI, NISF, RIFAV, NIAH, NIVR) và của Bộ Khoa học và Công nghệ (CNSSH, CNSNT), các trường đại học nông nghiệp cũng như các cơ quan phát triển của trung ương, tỉnh hoặc huyện.

Năm 2000, CIRAD đã ký một hiệp định khung với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hiện nay, khoảng 20 cán bộ nghiên cứu của CIRAD làm

việc tại Việt Nam. CIRAD tập trung các chương trình nghiên cứu của mình vào các lĩnh vực chăn nuôi (kể cả nuôi trồng thủy sản), đa dạng sinh học động vật nuôi và động vật hoang dã, nông nghiệp ven đô, trồng cây hoa quả, phân tích kinh tế đối với các ngành sản xuất, xã hội học nghiên cứu tiêu dùng, đa dạng hoá các hoạt động nông nghiệp và nông nghiệp sinh thái (trong khuôn khổ chương trình Hệ thống nông nghiệp miền núi - SAM).

Một công cụ độc đáo: trung tâm hợp tác "PRISE"



Nhóm nghiên cứu phát triển thâm canh các hệ thống chăn nuôi (PRISE) là một công cụ hợp tác về nghiên cứu với mục đích giải quyết những thách thức trong thâm canh chăn nuôi. PRISE tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu Pháp của CIRAD, các nhà nghiên cứu Việt Nam ở Viện chăn nuôi quốc gia (NIAH) và ở các cơ sở nghiên cứu khác cùng hợp tác phân tích các động lực phát triển chăn nuôi hiện nay và đề xuất các giải pháp kỹ thuật tiên tiến và bền vững.

Nhóm nghiên cứu cũng nỗ lực giải quyết những thách thức lớn trong phát triển chăn nuôi, coi chăn nuôi là động lực tạo việc làm ở nông thôn, tăng giá trị tạo thêm của chăn nuôi và tổ chức các khâu sản xuất để nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi với các ngành sản xuất khác.

Hoạt động của PRISE tập trung vào 5 hướng nghiên cứu và 3 ngành chăn nuôi (lợn, sữa và cá): nâng cao năng suất ở nông thôn; thâm canh chăn nuôi một cách hợp lý; chất lượng sản phẩm, đa dạng sinh học và di truyền; tổ chức các ngành nghề chăn nuôi.

IRD cũng hoạt động tích cực tại Việt Nam và tham gia vào hai chương trình nghiên cứu nông nghiệp quan trọng. Chương trình thứ nhất liên quan đến hệ thống nông nghiệp miền núi (hợp phần vùng của chương trình SAM). Chương trình thứ hai nghiên cứu tác động của các chiến lược nông nghiệp đối với hiện tượng xói mòn và độ màu mỡ của đất. Bên cạnh đó, IRD còn là đối tác khoa học của chương trình Fasevie (sản xuất thức ăn bổ trợ và giáo dục về dinh dưỡng) cùng với hai đối tác khác là tổ chức phi chính phủ Pháp GRET và Viện dinh dưỡng Việt Nam.

Từ đầu những năm 90, tổ chức GRET, cùng với Bộ môn Hệ thống nông nghiệp của Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam (VASI), khởi xướng Chương trình sông Hồng trong lĩnh vực nghiên cứu và hỗ trợ quá trình chuyển đổi hệ thống nông nghiệp tại lưu vực sông Hồng. Tham gia chương trình này còn có các tổ chức phi chính phủ khác như tổ chức Bác sỹ thú y không biên giới, Nông dân Pháp và Phát triển quốc tế, cũng như CIRAD, IRD và INRA. Giống như tất cả các chương trình khoa học khác, Chương trình sông Hồng góp phần đào tạo nhiều cán bộ nghiên cứu cho các cơ quan đối tác Việt Nam.

ĐÀO TẠO VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN

Ở Việt Nam, hiện các chương trình đào tạo đại học trong các lĩnh vực nông nghiệp và chế biến nông sản thực phẩm còn chú trọng nhiều đến lý thuyết. Quan hệ đối tác giữa các trường đại học và các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản vẫn chưa được thiết lập. Sinh viên vẫn còn có quá ít cơ hội được đi thực tập nghề tại các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo.

Do vậy, trong lĩnh vực hợp tác này, nước Pháp mong muốn thực sự chuyển giao kỹ năng, công nghệ mới và thiết bị hỗ trợ về kỹ thuật và giảng dạy nhằm đào tạo những cán bộ thực tiễn có khả năng đóng góp vào việc tăng sản phẩm cho ngành chế biến nông sản trên các thị trường trong nước và quốc tế.

Trên tinh thần này và theo đề nghị của các cơ quan Việt Nam, khoa Chăn nuôi của Trường đại học Tours đã hợp tác chặt chẽ với các cơ sở đào tạo của Việt Nam và các chuyên gia trong ngành chăn nuôi lợn và chim để sửa đổi nội dung giảng dạy bằng cao học chuyên ngành (DESS) “chăn nuôi, môi trường, vệ sinh và chất lượng” của mình cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam. Chương trình đào tạo bằng DESS này được tổ chức tại Trường đại học nông lâm thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2001 với sự hỗ trợ giảng dạy của Trường đại học Tours. Việc sáp nhập chương trình đào tạo của Pháp và chương trình đào tạo của Việt Nam có thể sẽ được xem xét để

tạo điều kiện cho sinh viên Pháp thực tập tại các doanh nghiệp Việt Nam và ngược lại.

Vẫn trên tinh thần này, dự án thành lập Trung tâm đào tạo ngành chế biến nông sản và thực phẩm tại thành phố Hồ Chí Minh đang được nghiên cứu. Dự án sẽ tiến hành đào tạo liên tục các kỹ thuật hiện đại trong ngành chế biến nông sản thực phẩm tương ứng với trình độ của các kỹ thuật viên chuyên nghiệp và những cán bộ có bằng cử nhân, những kỹ năng chuyên ngành này hiện nay còn thiếu tại Việt Nam.

Cũng cần ghi nhận sáng kiến của tổ chức phi chính phủ Pháp “Hội người khuyết tật quốc tế - Hành động Bắc - Nam” triển khai một chương trình đào tạo từ đầu khá độc đáo. Chương trình này nhằm mục đích đổi mới chương trình đào tạo tại các trường dân tộc nội trú và hỗ trợ thanh niên lập nghiệp.

Cuối cùng, cần nêu thêm ở đây những học bổng du học của Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội. Trong 5 năm trở lại đây, Đại sứ quán Pháp cấp trung bình mỗi năm 10 học bổng trong đó gần một nửa để làm luận án tiến sĩ. Ngoài ra, một nỗ lực lớn được dành cho đào tạo nghề liên tục cho các đối tác Việt Nam trong các chương trình nghiên cứu và phát triển. Chẳng hạn như CIRAD cung cấp mỗi năm 20 học bổng thực tập ngắn hạn tại Pháp.





NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG HỢP TÁC CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN



Dự án phát triển cây mía tại tỉnh Tây Ninh.
Nhà máy Bourbon Tây Ninh - Ảnh OG - AfD

Vị trí của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân lý giải tại sao lại phải quan tâm thích đáng đến việc nâng cao hiệu quả kinh tế của những ngành sản xuất chủ yếu và đặc biệt là của tất cả các ngành công nghiệp chế biến nông sản. Các ngành này có đóng góp trực tiếp vào cân bằng cán cân thương mại của đất nước bằng việc sản xuất nguyên liệu thay thế hàng nhập khẩu như đường, bông, các cây cho dầu... hay thông qua việc cung cấp hàng xuất khẩu như gạo, cà-phê, cao su, thủy sản...

Nước Pháp tham gia phát triển một số ngành này. Đặc biệt, các khoản vay của Cơ quan phát triển Pháp (AFD) góp phần vào việc thực hiện mục tiêu trên thông qua hỗ trợ hiện đại hoá ngành đường, cà-phê, bông và cao su. Các dự án đầu tư này đòi hỏi cũng nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật của các doanh nghiệp Pháp.

PHÁT TRIỂN TRỒNG MÍA ĐƯỜNG TẠI TỈNH TÂY NINH

Tây Ninh, một tỉnh phía Nam, từ lâu là một vùng sản xuất đường với kỹ thuật thủ công và do vậy đã thu hút được các nguồn đầu tư công nghiệp. Ngoài các nhà máy đường của Nhà nước như Tanisugar và Nhà máy đường Biên Hoà, tỉnh Tây Ninh cũng đã tiếp nhận nhà máy xử lý mía do tập đoàn Bourbon (vùng Réunion - Pháp), hợp tác với công ty Tanisugar xây dựng. Tổng giá trị đầu tư công nghiệp trong tỉnh ước tính lên đến 130 triệu USD.

Nhằm bảo đảm khả năng sinh lời của các khoản đầu tư công nghiệp và đặc biệt đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của các nhà máy, việc tăng diện tích trồng mía và nâng cao năng suất cây mía là không thể thiếu. Ngoài ra, nâng cấp các cơ sở hạ tầng đường xá và thủy lợi nhằm bảo đảm khả năng lưu thông hàng hoá cho các nhà máy và tưới tiêu cho các diện tích trồng trở nên cần thiết. Dự án của Cơ quan phát triển Pháp bao gồm cả ba mục tiêu này (mở rộng các khu vực canh tác nhờ tín dụng nông nghiệp, cơ sở hạ tầng thủy lợi và cơ sở hạ tầng đường xá).

Đồng thời, Bộ Ngoại giao Pháp hỗ trợ tài chính cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trong việc thực hiện một công trình nghiên cứu nhằm tổng kết chương trình mía đường quốc gia và đưa ra những khuyến nghị về chiến lược tổng thể đối với ngành mía đường.

HỖ TRỢ NGÀNH CAO SU



Đồn điền công nghiệp cao su. Dự án Geruco Ảnh OG - AfD

Vào thế kỷ trước, Alexandre Yersin là người đầu tiên đưa cây cao su vào Việt Nam. Nhờ đó, Việt Nam lâu nay đã trở thành nước sản xuất cao su lớn trên thế giới. Ngành sản xuất cao su ở Việt Nam được tổ chức xung quanh hai hệ thống sản xuất bổ trợ lẫn nhau: những đồn điền công nghiệp lớn và những người trồng cao su quy mô nhỏ.

Ngành cao su Việt Nam gặp phải những vấn đề tương tự như các ngành khác: trình độ kỹ thuật yếu kém của những người sản xuất nhỏ, kỹ thuật sản xuất không phù hợp với các đồn điền gia đình quy mô nhỏ, các nhà sản xuất và khâu tiêu thụ sản phẩm vẫn chưa được tổ chức tốt, vấn đề tiếp cận tín dụng dài hạn phù hợp với chu kỳ sản xuất cao su... Tất cả những khó khăn này đã tác động đến khả năng cạnh tranh của ngành cao su gần như hoàn toàn hướng ra thị trường quốc tế.

Pháp hỗ trợ ngành cao su dưới nhiều hình thức. Cơ quan phát triển Pháp phối hợp với Tổng công ty cao su Việt Nam (Geruco) phát triển 8 công ty công nghiệp ở vùng Cao nguyên và hỗ trợ những người sản xuất nhỏ trong khuôn khổ Dự án đa dạng hoá nông nghiệp (ADP) do Ngân hàng thế giới đồng tài trợ. Bộ Ngoại giao Pháp cũng tham gia vào dự án ADP thông qua việc cung cấp hai chuyên gia kỹ thuật về tư vấn và tổ chức nông nghiệp. Nhằm hỗ trợ cho các hoạt động hợp tác này, AFD cũng tài trợ một nghiên cứu đánh giá thực trạng ngành cao su. Kết quả của công trình này đã được giới thiệu tại Diễn đàn kinh tế và tài chính Pháp - Việt lần thứ hai.

NẮM BẮT VÀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Theo dự kiến đến, dân số Việt Nam năm 2020 sẽ là 100 triệu người, trong đó 40% sống tại các đô thị. Số dân này với mức sống tăng nhanh chóng sẽ tạo ra một thị trường nội địa lớn cho đến nay vẫn chưa được chú ý và nhường chỗ cho các thị trường quốc tế thường có nhiều biến động hơn và chỉ có giá trị bằng một nửa thị trường trong nước. Việc nắm bắt được những biến đổi trong tiêu dùng là không thể thiếu để liên tục điều chỉnh sản xuất cho phù hợp với thị trường. Tự do hóa kinh tế tại Việt Nam làm xuất hiện một tác nhân kinh tế mới là người tiêu dùng. Đòi hỏi của người tiêu dùng liên tục thay đổi và ngày càng cao. Chất lượng trở thành một yếu tố quyết định khi người tiêu dùng

mua thực phẩm. Ngoài ra, trong bối cảnh mô hình tự cấp tự túc giảm đáng kể, các mạng lưới thương mại đóng vai trò quan trọng trong việc đưa thông tin về nhu cầu của người tiêu dùng đến người sản xuất. Do được phân bố trên diện rộng, các mạng lưới thương mại đưa hàng hóa đến người tiêu dùng một cách hữu hiệu và với chi phí thấp. Tuy nhiên các mạng lưới này vẫn chưa phát huy được hết những nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Để đạt được mục tiêu này, cần phải thiết lập những cơ chế mới về cung cấp thông tin, tham khảo ý kiến và kiểm soát với sự tham gia của người tiêu dùng, các ngành nghề và cơ quan nhà nước.



CHẤT LƯỢNG DINH DƯỠNG, NGUY CƠ ĐỐI VỚI SỨC KHỎE VÀ LÒNG TIN



Đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng có ý nghĩa quan trọng không chỉ về hiệu quả kinh tế. Vấn đề là phải đáp ứng yêu cầu một cách có trách nhiệm, bằng cách chú trọng đến những mục tiêu sức khỏe cộng đồng (xảy ra nhiều vụ ngộ độc thực phẩm, các bệnh do "ăn uống thái quá" ngày càng tăng trong khi tình trạng thiếu dinh dưỡng vẫn còn tồn tại) và những mối quan tâm về xã hội và văn hóa (thay đổi thói quen tiêu dùng).

Để nắm bắt được toàn bộ những chuyển biến này, công tác nghiên cứu tiêu dùng tại Việt Nam phải điều chỉnh mục tiêu và phương pháp. Do đó, nghiên cứu vấn đề tiêu dùng thực phẩm, cho đến nay vẫn dưới góc độ số lượng, phải được thực hiện trên cơ sở phân tích nhu cầu, ý thức về chất lượng, nguy cơ về sức khỏe và dinh dưỡng và nâng cao lòng tin của người tiêu dùng. Có vậy mới có thể hiểu rõ được cách thức ứng xử của người tiêu dùng và quá trình xây dựng chất lượng trong xã hội.

Phương pháp mà một nhóm nghiên cứu của CIRAD phát triển, với đối tác chính là Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, là một phương pháp tiếp cận của ngành xã hội học (môn xã hội học nghiên cứu thực phẩm, môn xã hội học nghiên cứu nguy cơ) và kinh tế học (môn kinh tế nghiên cứu các thỏa ước). Phương thức tiếp cận này bao gồm ba giai đoạn: (i) xác định xu hướng diễn biến trong cách thức tiêu dùng thực phẩm của người dân Việt Nam; (ii) phân tích hành vi ứng xử và nhận thức của người tiêu dùng trước những nguy cơ về y tế và dinh dưỡng; và (iii) nghiên cứu nhận thức về các dấu hiệu chất lượng hiện nay.

NẮM BẮT VÀ CẢI TIẾN PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC CÁC NGÀNH THỰC PHẨM NỘI ĐỊA

Việc đánh giá khả năng của các ngành thực phẩm trong đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng đòi hỏi sử dụng những công cụ mới trong việc tính toán lưu lượng hàng hoá, đàm phán giữa các tác nhân, thông tin và đánh giá rủi ro. Các ngành sản xuất rau phục vụ Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được phân tích trong khuôn khổ dự án SUSPER về nông nghiệp ven đô và trong khuôn khổ dự án MALICA, với sự hợp tác của Viện rau quả (Rifav), Bộ môn hệ thống nông nghiệp của Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam và Trường đại học nông - lâm thành phố Hồ Chí Minh. Những kết quả ban đầu cho thấy các khu vực ven đô đóng vai trò quan trọng trong việc cung ứng các loại rau có lá, một nguồn thực phẩm quan trọng. Tuy nhiên, hệ thống sản xuất ven đô thị hiện đang chịu đe dọa của quá trình đô thị hoá do giá đất lên cao và ô nhiễm gia tăng. Các khu vực cung ứng xa hơn (Đà Lạt, Sơn La) có những lợi thế đặc biệt trong việc sản xuất thường xuyên các loại rau ôn đới phục vụ các trung tâm đô thị lớn. Tuy nhiên, hàng năm thị trường rau Hà Nội vẫn phải phụ thuộc vào hàng nhập khẩu từ Trung Quốc trong khoảng thời gian 4 tháng mỗi năm, với giá cả tăng khoảng 100%.

Những thông tin thu thập được trên thị trường cho phép xác định được những cặp lợi thế so sánh "sản phẩm/vùng" cần phát huy bằng các biện pháp kỹ thuật và thương mại. Ngoài ra, công trình phân tích cho thấy cần phải có những cơ chế mới về phổ biến thông tin và giao kết hợp đồng giữa người bán và người mua, đồng thời phải thành lập những hiệp hội của người sản xuất để đại diện trong đàm phán với người mua và thúc đẩy nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm.

HỖ TRỢ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỀ CHẤT LƯỢNG

Cùng với mức sống được cải thiện đáng kể và quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, ngành chế biến nông sản của Việt Nam có khả năng tạo việc làm và giá trị tạo thêm sẽ phát triển mạnh mẽ trong những năm tới. Chẳng hạn, việc tiêu thụ các sản phẩm sữa gần đây tăng nhanh chóng cho thấy các thói quen tiêu dùng ở Việt Nam có thể thay đổi rất nhanh. Bên cạnh đó, thách thức ở khâu xuất khẩu đòi hỏi nâng cấp các quy trình chế biến hiện nay phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Pháp là nước đứng thứ hai về đầu tư trong lĩnh vực chế biến nông sản tại Việt Nam. Nhiều doanh

nh nghiệp Pháp đã hoạt động có hiệu quả tại Việt Nam (Proconco, Bourbon, Vittel, Evialis). Việc giảm bớt các thủ tục hành chính và quyết tâm của Chính phủ Việt Nam thúc đẩy ngành chế biến nông sản phát triển đã mở ra những triển vọng mới cho đầu tư trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, các tác nhân tương lai đóng góp vào sự phát triển lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản vẫn còn mới mẻ này cần được chuẩn bị tốt. Phương thức tiếp cận ưu tiên của các đối tác Pháp hướng tới đào tạo kỹ sư và kỹ thuật viên với sự phối hợp chặt chẽ với những chuyên gia trong lĩnh vực này ở Việt Nam.

ĐÀO TẠO CÁC NGHỀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN

Từ đầu những năm 90, đã có nhiều hoạt động hợp tác hỗ trợ ngành chế biến nông sản tại Việt Nam. Các hoạt động này bao gồm đào tạo giảng viên - nghiên cứu sinh tại Pháp, sửa đổi các chương trình giảng dạy hoặc hỗ trợ hình thành các chương trình mới về đào tạo kỹ sư, một vài hoạt động nghiên cứu, đặc biệt trong khuôn khổ các khoá đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ tại Pháp. Hiện một nhóm các trường đại học của Pháp đang hợp tác với các trường đại học của Thủ Đức và Cần Thơ nghiên cứu khả năng thành lập một trung tâm Pháp - Việt đào tạo các nghề chế biến nông sản. Dự án nhằm mục đích phát huy những thành tựu hợp tác đã đạt được và đáp ứng ba yêu cầu là tham gia phát triển công nghệ trong lĩnh vực chế biến nông sản tại Việt Nam; hỗ trợ đầu tư của Pháp tại Việt Nam; tìm kiếm những cơ hội hợp tác về kinh tế và công nghiệp và đưa ra được một tầm nhìn về triển vọng của lĩnh vực này tại Việt Nam cũng như trong khu vực.

Quy trình chế biến nông sản không thể tách rời khỏi khái niệm chất lượng. Trong lĩnh vực này, nước Pháp có nhiều kỹ năng và kinh nghiệm. Ở đây người ta nghĩ ngay đến nhiều tên gọi xuất xứ, chỉ dẫn địa lý và các nhãn hiệu chất lượng khác đang được các hiệp hội nghề nghiệp của Pháp bảo vệ. Chúng ta đã đề cập đến việc phát triển phương

thức tiếp cận chất lượng trên thị trường nội địa, đặc biệt đối với rau và thịt. An toàn thực phẩm cũng là một điều kiện tiên quyết trong việc tiếp cận thị trường quốc tế, đặc biệt đối với các sản phẩm thịt, vì người tiêu dùng tại các nước phát triển rất nhạy cảm đối với nguy cơ thực phẩm.



KHUYẾN KHÍCH SỬ DỤNG CÁC CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐÃ ĐƯỢC BẢO HỘ (IGP)

Pháp và Việt Nam đã hợp tác với nhau trong lĩnh vực Chỉ dẫn địa lý và đấu tranh chống sản xuất hàng giả. Hoạt động hợp tác được Bộ Nông nghiệp và Thủy Sản khởi xướng năm 1996 và được Văn phòng liên ngành quốc gia về rượu Cognac triển khai trên thực địa từ năm 1998 với sự hỗ trợ tài chính của Thương vụ Pháp tại Hà Nội.

Hoạt động hợp tác nhằm mục đích giúp các cơ quan quản lý của Việt Nam làm quen với khái niệm Chỉ dẫn địa lý và Tên gọi xuất xứ được kiểm định (AOC); hỗ trợ Việt Nam trong quá trình công nhận và quản lý Tên gọi xuất xứ trên toàn quốc, không chỉ đối với các sản phẩm nội địa mà cả trong việc bảo vệ các Tên gọi xuất xứ nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam. Nhờ cùng nhau tăng cường phạm vi bảo hộ tên gọi xuất xứ, nội địa và nước ngoài, hoạt động hợp tác sẽ góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống làm giả các sản phẩm của địa phương và sản phẩm đến từ các nước EU.

Tháng 6/2001, hoạt động hợp tác đã đưa đến kết quả là Cục sở hữu công nghiệp quốc gia cấp chứng chỉ công nhận hai Tên gọi xuất xứ đầu tiên của Việt Nam cho nước mắm Phú Quốc và chè Mộc Châu. Tháng 5/2002, Cognac trở thành Tên gọi xuất xứ nước ngoài đầu tiên được chính thức công nhận ở Việt Nam trong một buổi lễ do Thủ tướng thương mại Việt Nam chủ trì. Kể từ đó, các doanh nghiệp Việt Nam đã chấm dứt việc sử dụng tên gọi "Cognac" trên các sản phẩm của mình. Năm 2003, phía Việt Nam đã tiến thêm một bước khi chính thức công bố hệ thống quản lý và kiểm định Tên gọi xuất xứ Nước mắm Phú Quốc trong một cuộc hội thảo do Bộ Thủy sản tổ chức. Tuy còn phải được triển khai trên thực địa nhưng hệ thống này sẽ giúp cho tên gọi xuất xứ nổi tiếng này của Việt Nam được công nhận trên trường quốc tế trong tương lai.

TRUY NGUYÊN NGUỒN GỐC CỦA CÁ NHIỆT ĐỚI

CIRAD vốn có nhiều hoạt động hợp tác trong ngành cá Basa của Việt Nam. CIRAD hợp tác với công ty Ledun tiến hành lựa chọn một số loại thủy sản mà việc sản xuất, chế biến và vận chuyển phải tuân thủ các yêu cầu về chất lượng và các quy định về cung cấp hàng cho Pháp. Do vậy hai bên hợp tác trong việc "xác định những rào cản mang tính phân biệt đối xử nhằm bảo đảm truy nguyên đối với các sản phẩm thủy sản nhiệt đới và đặc biệt áp dụng truy nguyên đối với cá của vùng Đông Nam Á". Hoạt động hợp tác nhằm mục tiêu "xây dựng" chất lượng trong toàn bộ dây chuyền nuôi trồng thủy sản cũng như theo dõi chất lượng sau chế biến. Dự kiến sẽ có các hoạt động hợp tác tương tự trong các ngành chăn nuôi lợn và sản xuất sữa trong khuôn khổ nhóm nghiên cứu chăn nuôi (PRISE).

HỖ TRỢ HOẠCH ĐỊNH CÁC CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



Hội thảo về chất lượng thịt lợn tại Nam Sách (Hải Dương) - Ảnh Vũ Trọng Bình - VASI

Trong bối cảnh mở cửa kinh tế ra khu vực và thế giới, Nhà nước Việt Nam giữ một vai trò quan trọng trong việc định hướng và điều tiết để đối phó cùng lúc với những thách thức về khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững. Những người đưa ra quyết định Việt Nam, cũng như đồng nghiệp của mình ở nhiều nước Châu Á khác, hơn bao giờ hết đều gặp phải những câu hỏi sau: Quyết định như thế nào? Trên cơ sở nào? Những quyết định đó sẽ được thực hiện như thế nào và sẽ có tác động gì đến kinh tế và xã hội? Phải phân chia vai trò như thế nào giữa địa phương và trung ương?...

Để trả lời những câu hỏi này, các phương thức hoạch định và thực thi chính sách nông nghiệp “truyền thống” dựa trên nguyên tắc tập trung, theo thứ bậc và từ trên xuống đã cho thấy những hạn chế, do không tính tới sự đa dạng của các tác nhân kinh tế và sự phức tạp trong quan hệ giữa những tác nhân này, và việc thị trường ngày càng bị chia nhỏ. Chính vì vậy cần phải có những phương thức tiếp cận mới hỗ trợ hoạch định chính sách nông nghiệp. Các phương thức tiếp cận này được xây dựng trên cơ sở những quy trình cung cấp thông tin, thương lượng và cùng quyết định giữa các tác nhân của quá trình phát triển. Để làm được điều này đòi hỏi không những phải tính đến lợi ích của tác nhân khác nhau và quan niệm về các mối quan hệ xã hội - thể chế giữa các tác nhân

này, mà còn phải tạo điều kiện thuận lợi trong trao đổi thông tin, xây dựng cách nhìn chung về những mục tiêu cần đạt được và những phương tiện để hoàn thành những mục tiêu này.

Những phương thức tiếp cận này sẽ tạo nên những mô hình cùng quản lý quá trình phát triển. Nhà nước sẽ có một vai trò mới, đặc biệt là vai trò khởi xướng và làm trung gian thực hiện các quá trình điều tiết cần thiết. Cuối cùng, phương pháp tiếp cận mới cho phép xem xét lại vai trò và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực phát triển nông thôn, giúp các cơ quan này nhanh chóng thích nghi với các thay đổi lớn của xã hội và hoàn thành tốt vai trò hỗ trợ, tư vấn cho các tác nhân ở nông thôn.

ỨNG DỤNG PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN ECOPOL CHO NGÀNH CHĂN NUÔI LỢN TẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG CHÂU THỔ SÔNG HỒNG

Phương thức tiếp cận Ecopol được xây dựng và thử nghiệm trong các ngành chăn nuôi lợn và trồng lúa tại đồng bằng châu thổ sông Hồng. Đầu tiên, Ecopol đã giúp khởi xướng nhiều hoạt động có sự phối hợp. Đối với ngành chăn nuôi lợn, những bước triển khai đầu tiên theo phương thức Ecopol đã làm bộc lộ một thực trạng mâu thuẫn. Một mặt, những người kinh doanh phải đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về thịt có chất lượng tại các vùng đô thị nhưng nhiên họ không thể tìm được ở địa phương những nguồn cung cấp an toàn và phù hợp với nhu cầu của thị trường. Mặt khác, có rất ít nông dân tham gia sản xuất thịt có chất lượng bởi họ thiếu thông tin về nhu cầu của thị trường và không chắc chắn sẽ thu được lời tương xứng. Bước đi tiếp theo của Ecopol có mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi thông tin giữa các đối tác trong ngành chăn nuôi lợn (người sản xuất, các cơ sở mổ lợn, các sở nông nghiệp và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và đã cho phép bắt đầu quá trình cùng thảo luận xung quanh vấn đề phát triển ngành sản xuất thịt có chất lượng ở địa phương để phục vụ thị trường đô thị nhưng vẫn phải bảo đảm được thu nhập cao nhất của người sản xuất. Kinh nghiệm này mở đường cho những hình thức hợp tác mới giữa các cơ quan, hướng tới đẩy mạnh sự tham gia của các đối tác vào việc quản lý ngành chăn nuôi lợn để đáp ứng được nhu cầu ngày càng lớn về sản phẩm có chất lượng, cải thiện quan hệ giữa người nông dân thông qua việc giúp họ tiếp cận thị trường tốt hơn, nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm địa phương và góp phần phát triển kinh tế nông thôn.

MỘT QUỸ NGHIÊN CỨU VÀ CÁC NHÓM LÀM VIỆC VỀ CÁC CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP

Với sự hỗ trợ của dự án MISPA, Trung tâm thông tin nông nghiệp và phát triển nông thôn đã thành lập vào đầu năm 2003 một quỹ nghiên cứu với mục đích tài trợ các phân tích chuyên ngành và nghiên cứu kinh tế - xã hội cần thiết cho quá trình ra quyết định và cho việc hoạch định các chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn. Trung tâm và các đối tác xác định các chủ đề nghiên cứu trước khi được một ban chỉ đạo thông qua. Sau khi tham khảo, các nhóm chuyên gia Việt Nam có uy tín trong từng lĩnh vực sẽ được giao thực hiện các công trình nghiên cứu.

Nhờ có sự đóng góp của Pháp, quỹ nghiên cứu có ngân sách 400.000 Euros cho 3 năm hoạt động. Tuy nhiên các nhà tài trợ khác vẫn có thể tham gia đóng góp tài chính cho quỹ.

Ngoài quỹ nghiên cứu, dự án MISPA đã thành lập hai nhóm làm việc sử dụng những phương tiện đặc thù để nghiên cứu và đưa ra những khuyến nghị trong các lĩnh vực sau: (i) khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam, (ii) các chiến lược phát triển nông thôn. Ngoài ra, một công trình nghiên cứu đặc biệt về phương thức tổ chức và về triển vọng của ngành cà phê đang được tiến hành trong khuôn khổ hợp tác với Hiệp hội cà phê Việt Nam (Vicofa).



ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phù hợp với những xu hướng lớn của cộng đồng quốc tế, tất cả các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường của quá trình phát triển đều được chú trọng trong các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn. Muốn làm được như vậy, công tác nghiên cứu hỗ trợ cần nỗ lực tìm ra phương pháp để tăng tối đa và ổn định năng suất của các hệ thống canh tác và chăn nuôi. Nhiều thách thức đang đặt ra: giảm tỷ lệ mất đất và tăng độ màu mỡ của đất; phát huy nguồn nước; quản lý không gian tự nhiên, nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp và đô thị; tối ưu hoá các luồng trao đổi kinh tế và xã hội, đồng thời tuân thủ mọi yêu cầu về môi trường. Ngoài các phương pháp sinh học và nông nghiệp, các công cụ được cải tiến để tạo điều kiện cho các tác nhân của phát triển nông thôn thảo luận về những thách thức và ràng buộc liên quan đến các phương thức phát huy môi trường.

Chẳng hạn, trong khuôn khổ dự án Đa dạng hoá nông nghiệp, việc hoàn thiện các hệ thống xen

canh theo phương thức “gieo trồng trực tiếp lên lớp phủ thực vật” là một bộ phận cấu thành của dự án nhằm đối phó với những nguy cơ xói mòn đất nghiêm trọng bắt nguồn từ việc canh tác không phù hợp tại các vùng dốc ở miền Trung. Trong lĩnh vực môi trường và sinh thái, một dự án nghiên cứu với chủ đề bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học động vật hoang dã và vật nuôi của dãy Trường Sơn (Biodiva) đã được ký kết năm 2003. Bộ Ngoại giao (Quỹ đoàn kết ưu tiên - FSP) và Quỹ Môi trường Thế giới của Pháp (FFEM) đồng tài trợ cho dự án. Dự án kết hợp nghiên cứu thực địa (xác định động vật nuôi và động vật hoang dã có lợi ích kinh tế hoặc di sản), nghiên cứu trong phòng thí nghiệm (đặc điểm hóa di truyền của những loài được xác định) và các dự án bảo tồn trong môi trường tự nhiên tại vùng Cao nguyên và tại các khu vực miền núi của Việt Nam. Dự án huy động sự tham gia của INRA và CIRAD của Pháp; Viện chăn nuôi (NIAH) và Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia (CNSNT) của Việt Nam.

DUY TRÌ NĂNG SUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CÁC HỆ THỐNG CANH TÁC NÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, sự gia tăng dân số và biến đổi kinh tế trong những năm gần đây đã làm tăng sức ép nông nghiệp lên các vùng đất dốc và gây tổn hại rừng. Xói mòn và mất màu đất, việc rút ngắn các chu kỳ bỏ hoá và chăn thả gia súc bừa bãi đã gây tác động xấu đến sự bền vững của các hệ thống canh tác truyền thống. Những phát minh mới trong kỹ thuật gieo trồng trực tiếp lên lớp phủ thực vật dường như có thể đưa đến những giải pháp phù hợp với môi trường lý - sinh và con người.

Những phát minh này đã được các nhóm đa ngành đưa ra trên cơ sở nghiên cứu tính khả thi đối với các quy mô canh tác nông nghiệp khác nhau: đất ruộng, trang trại và đất làng. Chính trong khuôn khổ này mà Chương trình Nông nghiệp miền núi (SAM, chương trình hợp tác VASI/IRRI/CIRAD) đã được triển khai. Mục tiêu chính của chương trình là xây dựng, triển khai và cải tiến các hệ thống canh tác bền vững, bảo đảm lợi ích kinh tế, qua đó cho phép giải quyết nhu cầu cải thiện thu nhập của người trồng trọt và yêu cầu bảo vệ môi trường. IRD và NISF (chương trình MSEC, IWMI) đang hợp tác nghiên cứu tác động của những kỹ thuật nông nghiệp sinh thái mới đối với hiện tượng xói mòn, độ màu mỡ của đất và việc quản lý nước.

Mặt khác, các chương trình này nhắm mục đích hỗ trợ cho việc tìm ra phương thức quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên (đồng cỏ, rừng, nước) và đề ra các chính sách khuyến khích người nông dân áp dụng các phương pháp mới này. Một mục tiêu quan trọng khác của chương trình là đào tạo nông dân, các đối tác phát triển và các cán bộ Việt Nam biết cách sử dụng các kỹ thuật này, trước khi được phổ biến rộng rãi.

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CHỐNG THOÁI HÓA CÁC GIỐNG CÂY QUẢ CÓ MÚI

Ngoài phần nghiên cứu chống căn bệnh Huanglongbing, bệnh thoái hoá các giống quả có múi do vi khuẩn gây ra, công trình nghiên cứu còn nhằm mục đích nâng cao kiến thức khoa học về vai trò của mối quan hệ tương tác giữa cây trồng, vật trung gian truyền bệnh và tác nhân gây bệnh trong việc truyền bệnh. Chương trình tạo điều kiện cho các nhà khoa học Pháp (CIRAD và INRA) và Việt Nam (Sofri, NIPP) tham khảo lẫn nhau để đưa ra được những lộ trình khoa học phù hợp, cho phép phát triển và khai thác lâu dài các giống cam quýt.

Các loại quả có múi (cam, quýt, bưởi và chanh lá cam) là ngành sản xuất hoa quả lớn thứ hai ở Việt Nam sau cây chuối với diện tích trồng trọt là 65.000 héc-ta và với sản lượng khoảng 500.000 tấn. Đối với các hệ thống trồng trọt truyền thống, bệnh Huanglongbing phá hoại nghiêm trọng các vườn cây, làm cho cây chỉ sống được tối đa từ 3 - 6 năm. Nếu phòng chống hiệu quả căn bệnh cũng như vật trung gian truyền bệnh sẽ giúp nâng cao tuổi thọ và lợi nhuận của các diện tích trồng trọt, ngoài ra cũng cho phép tính đến khả năng phát triển ngành sản xuất này, qua đó tạo tác động kinh tế đến người dân nông thôn, phát triển ngành chế biến và làm tăng sức tiêu dùng cam quýt, một nguồn cung cấp vitamin C.

CÁ BA-SA: NGÀNH SẢN XUẤT THỦY SẢN LỚN NHẤT CỦA VIỆT NAM



Với sản lượng hơn 120.000 tấn/năm, cá ba-sa là ngành sản xuất thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Cá ba-sa được nuôi trong những bè nổi trên sông hoặc trong ao hồ tại vùng đồng bằng sông Cửu Long với năng suất rất cao, khoảng 150kg/m³/năm đối với bè nổi và từ 50 - 600 tấn/héc-ta/năm đối với ao hồ. Cá ba-sa được nuôi thâm canh, trên cơ sở sử dụng cám gạo của địa phương. Nghề nuôi cá ba-sa phát triển rất mạnh

kể từ 1995, tức từ khi người nuôi trồng thủy sản, với sự giúp đỡ của CIRAD, tự mình áp dụng cá giống. Trước đây, toàn bộ cá giống được đánh bắt ở sông Cửu Long, khiến nguồn cá tự nhiên bị giảm sút nhanh chóng và làm tăng chi phí mua cá giống (chiếm tới 50% chi phí sản xuất). Tuy nhiên, khi nuôi thâm canh, tỷ lệ cá chết cũng gây thiệt hại kinh tế, hiện lên đến 8 triệu USD mỗi năm. Do vậy, muốn duy trì loại hình nuôi trồng thủy sản này, phải tạo dựng được sự cân bằng cần thiết giữa hệ thống sản xuất, môi trường và đòi hỏi về y tế.

Cá ba-sa chủ yếu được dành cho xuất khẩu dưới hình thức phi-lê đông lạnh. Tổng kim ngạch xuất khẩu lên đến hơn 30.000 tấn/năm với doanh thu vào khoảng 100 triệu USD. Nhìn chung, ngành nuôi trồng thủy sản này sử dụng hơn 10.000 nhân công. Ngoài ra, hàng chục nghìn tấn cá và các sản phẩm chế biến cũng được bán ra tại thị trường trong nước.

NÔNG NGHIỆP VEN ĐÔ: MỘT NGÀNH SẢN XUẤT CÓ CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ CÁC THỊ TRƯỜNG TIẾP GIÁP

Nền nông nghiệp ở các vùng ven đô thị cung ứng cho thị trường đô thị tiếp giáp các sản phẩm đặc thù như rau, cây cảnh. Từ 2002, Rifav đã phối hợp với AVRDC và CIRAD đề xuất hai phương pháp nâng cao chất lượng và ổn định nguồn cung cấp rau: che phủ ny-lông để bảo vệ cây trồng khỏi những đợt mưa lớn trong mùa nóng ẩm và sản xuất rau trong nhà ống để giảm bớt việc sử dụng thuốc trừ sâu độc hại. Các giải pháp này đã được người trồng rau ở ngoại vi Hà Nội thử nghiệm. Hơn nữa, họ liên kết lại với nhau để có thể bán được nhiều hơn. Các phương pháp kỹ thuật này cũng mang lại một giải pháp cho yêu cầu phải thích ứng của nông nghiệp với vùng đô thị tiếp giáp.



TẠO THUẬN LỢI CHO HIỆN ĐẠI HÓA THỂ CHẾ VÀ DỊCH VỤ

Nhờ vào tính năng động và khả năng chuyển đổi của mình, nền nông nghiệp sản xuất nhỏ theo mô hình hộ gia đình là một ưu thế đối với Việt Nam. Tuy nhiên, để thực sự phát huy được ưu thế đó, mô hình này cần phải có những hoạt động dịch vụ cần thiết và phù hợp với nhu cầu của các hộ nông dân. Về mặt lý thuyết, những hoạt động dịch vụ này thuộc trách nhiệm của đơn vị hành chính cấp huyện như: trạm khuyến nông, trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y. Trên thực tế, những dịch vụ này rất khó có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình để phục vụ một số lượng lớn hộ gia đình nông dân. Do vậy, sẽ là cần thiết và có hiệu quả hơn nếu các hoạt động dịch vụ trên được gắn kết với các mạng lưới địa phương, các tổ chức ngành nghề của nông dân, các thể chế tư nhân hoặc bán tư nhân.

Đây là một sự thay đổi quan trọng trong cách thức xây dựng và thực hiện các dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp. Việc “chuyển giao” một phần các hoạt động dịch vụ hiện nay do các cơ quan nhà nước quản lý, nhất là những hoạt động liên

quan trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, sang những tác nhân gần gũi hơn với người nông dân sẽ nâng cao hiệu quả của các dịch vụ này và tăng cường năng lực của các địa phương. Bên cạnh đó, các cơ quan nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong các hoạt động phục vụ lợi ích chung và các hoạt động trợ giúp nông dân, cũng như các tổ chức của họ (như hoạt động thông tin, quảng bá, điều chỉnh, sáng kiến cải tiến và soạn thảo văn bản pháp quy).

Phát triển các dịch vụ sản xuất nông nghiệp cũng có thể góp phần tạo việc làm tại các vùng nông thôn. Sự chuyển biến này đòi hỏi xem xét lại một phần nguồn tài trợ dành cho phát triển và chấp nhận những điều chỉnh trong việc sử dụng nguồn tài chính của nhà nước dành cho nông nghiệp. Đồng thời, sự đổi mới này cũng cần có một khuôn khổ pháp lý phù hợp, cho phép thay đổi nhiệm vụ và mô hình tổ chức của những tác nhân trong phát triển nông nghiệp và nông thôn.

NHỮNG NÔNG DÂN CHUYÊN NGHIỆP VÀ ĐƯỢC TỔ CHỨC TỐT ĐỂ SẢN XUẤT TẠI CHỖ NHỮNG GIỐNG CÓ CHẤT LƯỢNG

Chất lượng của giống là yếu tố trực tiếp quyết định năng suất của cây trồng. Nông dân và các nhà nông học đều biết rõ nguyên tắc này. Giống tốt được xác định bởi những đặc tính di truyền phù hợp với điều kiện sản xuất, và bởi những đặc tính thuần chủng, chất lượng vệ sinh và được người tiêu dùng ưa chuộng.

Những cơ quan nhà nước trước đây có nhiệm vụ cung cấp giống lúa cho các hợp tác xã nông nghiệp từ nay không thể đáp ứng được những nhu cầu hết sức đa dạng của hàng triệu hộ nông dân. Các thương nhân, cho dù có quan tâm đến chất lượng sản phẩm mà họ bán ra thị trường, thường bằng lòng với việc giới thiệu với người nông dân số lượng không nhiều giống lúa cho năng suất cao, đã được thực nghiệm trong những điều kiện thâm canh, tuy nhiên những giống lúa này trong nhiều trường hợp chưa được thử nghiệm trong những điều kiện canh tác khác.

Trong bối cảnh như vậy, và dựa trên nhận xét về sự suy thoái nghiêm trọng chất lượng của giống cây trồng được những người nông dân sử dụng, những đối tác của Chương trình sông Hồng cùng với những nhà sản xuất thuộc các vùng nông nghiệp và sinh thái khác nhau của lưu vực sông Hồng đã thử nghiệm những phương thức mới trong việc sản xuất tại chỗ giống lúa, ngô, đậu tương hoặc lạc.

Thường được tổ chức thành nhóm lợi ích theo quy mô làng hoặc xã, những nhà sản xuất này được đào tạo dần dần để thử nghiệm và nhân rộng trên chính thửa ruộng của mình những giống cây trồng do các viện nghiên cứu nông nghiệp quốc gia tiến hành lựa chọn. Do có khả năng thích ứng cao với môi trường canh tác, chất lượng những giống cây này được thừa nhận rộng rãi và giá cả rất hấp dẫn đối với nhà nông thường phải mua giống cây để trồng trọt. Và lại, việc lập ra những nhóm chuyên nghiệp cho phép các thành viên tận dụng được những ý kiến tư vấn về kỹ thuật mới, tiếp cận những nguồn tín dụng nhỏ do tập thể quản lý, và có được uy tín tập thể.

Hơn năm chục nhóm sản xuất giống cây trồng theo mô hình trên hiện nay đang hoạt động. Trong số này, một số nhóm, phối hợp với các cơ quan hành chính địa phương, tham gia vào việc thành lập các trung tâm mua bán sỉ giống cây trồng, cho phép đáp ứng tốt hơn nhu cầu về cây giống trên quy mô một huyện hoặc thậm chí một tỉnh.

ĐỂ CHIA SẼ CHỨC NĂNG CÓ HIỆU QUẢ GIỮA DỊCH VỤ THÚ Y TƯ NHÂN VÀ CÁC CƠ SỞ THÚ Y CỦA NHÀ NƯỚC

Những người hành nghề dịch vụ thú y tư nhân hoặc bán tư nhân thông thường cũng là những người thực hiện công việc khuyến khích chăn nuôi trên địa bàn xã của họ. Ít nhất, họ đảm nhận 90% công việc chăm sóc thú y cho đàn gia súc. Họ đóng vai trò chủ yếu trong việc bảo đảm phát triển chăn nuôi gia đình, và qua đó bảo đảm việc tăng thu nhập của người dân, nhất là đối với những hộ nông dân nghèo. Không giống như rất nhiều nước đang phát triển khác, mạng lưới những người hành nghề dịch vụ thú y ở Việt Nam lại khá phát triển, cho phép đáp ứng phần lớn nhu cầu về thú y trong nước. Tuy nhiên, mạng lưới này vẫn chưa được các cơ sở thú y nhà nước sử dụng đầy đủ, trong khi mà đây chính là một giải pháp hay để giải quyết nhiều vấn đề, như theo dõi bệnh tật ở vật nuôi, tuyên truyền tới người dân về nỗ lực cộng đồng là cần thiết trong vấn đề sức khỏe vật nuôi...

Tổ chức Bác sỹ thú y không Biên giới, phối hợp với các cơ quan thú y Việt Nam, đang thử nghiệm những phương thức mới để nâng cao việc sử dụng mạng lưới những người hành nghề dịch vụ thú y tư nhân và để quản lý tốt hơn công tác kiểm soát sức khỏe vật nuôi, thông qua việc phối kết hợp mạnh mẽ và cân bằng hơn giữa một bên là những người hành nghề dịch vụ thú y tư nhân này và bên kia là các cơ sở thú y của nhà nước. Việc nhân rộng mô hình mới này trên địa bàn của các tỉnh khác cần phải đi kèm với việc điều chỉnh các văn bản pháp quy về thú y. Việc thừa nhận vai trò của những người hành nghề dịch vụ thú y tư nhân là một lĩnh vực càng ngày càng được quan tâm trong những năm qua (điều chỉnh bổ sung Bộ luật quốc tế về y tế vật nuôi). Việc gia tăng hoạt động trao đổi quốc tế đòi hỏi các nước đang phát triển, nếu muốn được lợi trong việc này, xích lại gần hơn với những chuẩn mực quốc tế, nhất là những chuẩn mực về chăm sóc y tế vật nuôi.





NÂNG CẤP CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN

Phát triển và củng cố cơ sở hạ tầng là những hoạt động cần thiết để thúc đẩy phát triển nông nghiệp và trao đổi thương mại, cho phép thiết lập lại cân bằng giữa vùng nông thôn và thành thị. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc cấp tài chính xây dựng công trình hạ tầng phục vụ

sản xuất (như diện tích trồng trọt được tưới), hoặc cơ sở hạ tầng phòng chống nguy cơ bão lụt (hệ thống đê điều), hoặc xây dựng hệ thống đường bộ cần thiết cho việc cung cấp các nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm.

Trong hoạt động hợp tác của Pháp, Cơ quan Phát triển Pháp là đối tác chủ yếu trong lĩnh vực này với nhiều dự án hợp tác trực tiếp một tỉnh của Việt Nam (ví dụ như dự án trợ giúp phát triển trồng mía tại Tỉnh Tây Ninh), hoặc trong khuôn khổ các chương trình quốc gia do một Bộ chủ quản triển khai (như dự án xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ khu vực nông thôn trên địa bàn 23 tỉnh nghèo của đất nước, hoặc dự án ngành về quy hoạch lưu vực sông Hồng).

Một số hoạt động trợ giúp khác có quy mô nhỏ hơn đang được triển khai và huy động các nguồn vốn khác nhau như Quỹ đối ứng viện trợ lương thực.

Trong nhiều trường hợp có thể, các đối tác đang hoạt động trên thực địa thường đóng góp kinh nghiệm bổ trợ để tạo điều kiện cho việc triển khai các cơ chế quản lý hiệu quả những công trình hạ tầng này.



*Dự án ngành thứ hai về quy hoạch Sông Hồng
Những ruộng lúa ở vùng đồng bằng*

THAM GIA VÀO CÔNG TÁC QUY HOẠCH



*Dự án ngành thứ hai về quy hoạch Sông Hồng
Trạm bơm cần được cải tạo - Ảnh OG - AfD*

Cơ quan Phát triển Pháp đồng tài trợ, cùng với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan, dự án thứ hai về quy hoạch lưu vực sông Hồng. Dự án này bao gồm các hoạt động trợ giúp trong lĩnh vực hạ tầng thủy lợi và phòng chống bão lụt. Đây là một sự trợ giúp về mặt thể chế để thành lập và tăng cường năng lực cơ quan quản lý lưu vực và thực hiện những biện pháp môi trường trong việc theo dõi chất lượng nước.

Bên cạnh các hoạt động đầu tư chủ yếu do Bộ chủ quản thực hiện, quỹ phát triển nông thôn cũng được thành lập để đáp ứng được những nhu cầu mà từng địa phương nêu ra và để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai tiến trình đồng tham gia và phân cấp quản lý.

DANH MỤC THEO NGÀNH CÁC DỰ ÁN MỚI HOẶC ĐANG ĐƯỢC THỰC HIỆN

CÁC DỰ ÁN CỦA CƠ QUAN PHÁT TRIỂN PHÁP (AFD)

Địa chỉ trên internet: www.afd.fr

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Củng cố cơ sở hạ tầng nông thôn tại tỉnh Sơn La (CVN 1074)

Dự án này nhằm mục đích xây dựng mới các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Sơn La, tại vùng núi phía Tây Bắc của Việt Nam, đồng thời nâng cao năng lực các cơ quan của Tỉnh chịu trách nhiệm quản lý các công trình thủy lợi này. Đa số những cơ sở hạ tầng trên có nhiều chức năng khác nhau (như tưới nước hoặc dẫn nước sạch), và các nông dân sản xuất quy mô nhỏ, những người thụ hưởng sau cùng từ những hoạt động đầu tư này, sẽ có cơ sở hạ tầng sản xuất tốt hơn, và do đó đời sống kinh tế cũng như chất lượng cuộc sống của họ sẽ được cải thiện.

Vốn vay AFD: 12 triệu € - Thời điểm cấp vốn: hồ sơ xin vay vốn đang được thẩm định.

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (CVN 1073)

Dự án này nhằm mục đích xây dựng mới các công trình thủy lợi, nhất là các công trình tưới nước, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, tại khu vực miền Nam Việt Nam và đồng thời nâng cao năng lực các cơ quan của Tỉnh chịu trách nhiệm quản lý các công trình thủy lợi này. Các hộ nông dân sản xuất quy mô nhỏ, những người được hưởng lợi sau cùng từ những hoạt động đầu tư này, sẽ có thể tiếp cận được với những cơ sở hạ tầng sản xuất tốt hơn cho phép nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống của mình.

Vốn vay AFD: 12 triệu € - Thời điểm cấp vốn: dự án đang được thẩm định.

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Dự án phát triển trồng chè trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (CVN1054)

Bên cạnh việc cải tạo diện tích trồng chè hiện có và phát triển diện tích trồng chè mới, dự án còn nhằm nâng cao chất lượng sản xuất chè của toàn tỉnh thông qua việc triển khai cơ sở hạ tầng tốt hơn phục vụ cho toàn bộ diện tích trồng chè, và thông qua việc tư vấn cho người sản xuất chè.

Vốn vay AFD: 12 triệu € - Thời điểm cấp vốn: dự án đang được thẩm định.

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Dự án phát triển nguồn nước tại Phước Hòa (CVN1068)

Dự án này, do AFD đồng tài trợ với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), cho phép tăng cường nguồn nước của hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng. Đây là nguồn cung cấp nước cho toàn bộ khu vực thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh việc xây dựng một công trình dẫn nước từ sông Bé tới sông Sài Gòn, dự án còn dự tính mở rộng diện tích được tưới, và nâng cao năng lực thể chế nhằm phát huy giá trị của những khu vực mới này. Chất lượng nước của các sông Vàm Cỏ Đông, Sài Gòn và Đồng Nai sẽ được cải thiện nhờ có thêm nguồn nước do dự án này mang lại.

Vốn vay AFD: 35 triệu € - Thời điểm cấp vốn: dự án đang được thẩm định.



Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Hỗ trợ về thể chế và tài chính cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (CVN1078)

Dự án này nhằm hỗ trợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn dưới hình thức: 1) tái cấp một khoản tín dụng dành cho việc đầu tư sản xuất của các hộ dân ở khu vực nông thôn dưới hình thức cho vay trung hạn hoặc dài hạn, 2) đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin, 3) đào tạo và tăng cường năng lực.

Vốn vay AFD: 55 triệu € - Thời điểm cấp vốn: 12/2002

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Dự án ngành thứ hai về quy hoạch lưu vực sông Hồng (CVN1061)

Dự án này do AFD đồng tài trợ với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan, cho phép:

- * Thông qua việc quản lý tốt hơn nguồn nước, nâng cao năng suất nông nghiệp vùng lưu vực sông Hồng, và qua đó cải thiện thu nhập của người nông dân;
- * Giảm thiểu thiệt hại của diện tích canh tác trước nguy cơ ngập lụt;
- * Phát triển công tác quản lý nước theo phương thức quản lý theo lưu vực (cung cấp nước, giảm ô nhiễm và hạn chế xói mòn).

Dự án này bao gồm ba hợp phần bổ trợ lẫn nhau: (i) trợ giúp việc triển khai quản lý nguồn nước tốt hơn; (ii) nâng cấp cơ sở hạ tầng; (iii) hỗ trợ phát triển nông thôn do các cộng đồng địa phương thực hiện để phát huy tốt nhất nguồn nước sẵn có và góp phần xoá đói giảm nghèo.

Vốn vay AFD: 35 triệu € - Thời điểm cấp vốn: 12/2001

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Khoản tín dụng thứ hai dành cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (CVN1055)

Dự án này nhằm mục đích cung cấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn một khoản tài chính mới, cho phép tái cấp các khoản tín dụng nông nghiệp trung hạn và dài hạn dành cho nông dân. Các khoản cho vay của Ngân hàng này được sử dụng để đầu tư phát triển nông thôn (sản xuất, chế biến, ngành nghề thủ công), do các hộ nông dân trên địa bàn các tỉnh của Việt Nam thực hiện.

Vốn vay AFD: 30 triệu € - Thời điểm cấp vốn: 12/2000 - Dự án đã kết thúc năm 2002.

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Phát triển tám công ty cao su trên địa bàn Tây Nguyên.

Khoản vay này tài trợ việc mở rộng diện tích trồng cao su và hiện đại hoá các cơ sở chế biến của các công ty trực thuộc Tổng Công ty cao su (Geruco).

Vốn vay AFD: 35 triệu € - Thời điểm cấp vốn: 07/1999

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Phát triển sản xuất của các hộ trồng bông của Tổng công ty bông Việt Nam (CVN1023)

Khoản vay này tài trợ cho chương trình phát triển sản xuất bông do các hộ nông dân phối hợp với Tổng công ty bông Việt Nam (VCC), với mục đích tăng gấp ba diện tích trồng bông trong vòng 5 năm, đạt mức 34.000 ha. Dự án này cũng nhằm trợ giúp các hoạt động đầu tư công nghiệp của VCC trong chế biến và cung cấp bông cho ngành dệt. Như vậy, Việt Nam sẽ có thể tự sản xuất để thay thế các nguồn nhập khẩu bông cho đến nay vẫn cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp dệt may của mình.

Vốn vay AFD: 9,15 triệu € - Thời điểm cấp vốn: 10/98

Dự án Đa dạng hóa nông nghiệp trên cơ sở trồng cây cao su tiểu điền (CVN1024)

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Dự án này do AFD và Ngân hàng thế giới đồng tài trợ dự tính triển khai trồng mới 60.000 ha cây cao su, theo từng tiểu khu, mỗi tiểu khu có diện tích từ một đến hai ha, và khôi phục 17.600 ha diện tích cây cao su đã trồng trên địa bàn của 11 tỉnh miền Trung bằng nguồn vốn trong nước. Những người trồng cây cao su sẽ được nhận sự hỗ trợ quan trọng dưới hình thức tập huấn kỹ thuật, và có thể được vay tín dụng ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn, để đa dạng hóa sản xuất, với mục đích phát triển các sản phẩm đa dạng, giảm những rủi ro do sự biến đổi giá cả của một sản phẩm duy nhất.

Vốn vay AFD: 15,24 triệu € - Thời điểm cấp vốn: 04/98

Sản xuất mía đường (CVN1026)

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Đây là khoản vay dành cho Nhà nước Việt Nam nhằm cung cấp một phần tài chính cho dự án phát triển sản xuất mía đường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Dự án dự kiến sẽ tài trợ trồng mới 12.000 ha mía đường thông qua việc cấp các khoản tín dụng trung hạn cho những hộ trồng mía cá thể đã ký hợp đồng cung cấp mía với các nhà máy đường. Dự án này cũng cấp tài chính cho việc xây dựng một hệ thống thủy lợi cho phép tưới 13.000 ha trên tổng số 25.000 ha mía. Cuối cùng, dự án cũng tài trợ xây dựng 87 km đường cấp tỉnh nhằm để tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng ngày 11.550 tấn mía đường từ nơi thu hoạch mía đến các nhà máy.

Vốn vay AFD: 23,78 triệu € - Thời điểm cấp vốn: 10/98

Dự án ngành về cơ sở hạ tầng nông thôn (CVN1029)

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Khoản vay này, bổ xung cho khoản tín dụng của Ngân hàng Phát triển Châu á, nằm trong khuôn khổ dự án ngành về cơ sở hạ tầng nông thôn để giúp đỡ chính phủ Việt Nam trang bị cho những vùng nông thôn thiếu công trình cơ sở hạ tầng. 23 tỉnh được hưởng lợi từ dự án tại các vùng núi miền Bắc và miền Trung là những tỉnh nghèo và hẻo lánh nhất của Việt Nam. Dự án sẽ đầu tư xây dựng 1.500 km đường giao thông nông thôn, triển khai tưới tiêu trên diện tích 20.000 ha, và hệ thống dẫn nước sạch để phục vụ khoảng 1 triệu người dân và xây dựng 50 chợ cấp huyện.

Vốn vay AFD: 14,48 triệu € - Thời điểm cấp vốn: 12/98

Phát triển trồng cà phê Arabica trên địa bàn 13 tỉnh miền Bắc (CVN1025)

Địa chỉ liên hệ:
Cơ quan Phát triển Pháp
tại Hà Nội
agence@afd.org.vn

Dự án này nhằm mục đích nâng cao sản xuất cà phê của Việt Nam và phát triển canh tác cà phê Arabica. Dự án này do Vinacafé triển khai sẽ hỗ trợ cho việc trồng 40.000 ha cà phê thông qua việc cấp vốn cho những hộ trồng cà phê, hiện đại hoá và thiết lập những cơ sở chế biến và trợ giúp cho các chương trình nghiên cứu và đào tạo.

Vốn vay AFD: 32,31 triệu € - Thời điểm cấp vốn: 12/96

CÁC DỰ ÁN CỦA QUỸ MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI CỦA PHÁP (FFEM)

Địa chỉ trên internet: www.ffem.net

Địa chỉ liên hệ:
CIRAD-Prise c/o Viện
chăn nuôi quốc gia
Ciradprise@hn.vnn.vn

Thống kê và quản lý để bảo tồn quần thể các loài bò lớn hoang dã còn lại (bò rừng và bò tót) tại Việt Nam

Đây là dự án đặc biệt về thống kê và bảo tồn các quần thể bò rừng và bò tót còn lại trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam và có thể tại vùng biên giới tiếp giáp với Lào và Campuchia.

Đóng góp của quỹ FFEM: 1,1 triệu € - Thời gian thực hiện dự án 4 năm (2003-2007)



CÁC DỰ ÁN CỦA BỘ NGOẠI GIAO PHÁP (MAE)

Địa chỉ trên internet: www.diplomatie.gouv.fr và www.ambafrance-vn.org

Địa chỉ liên hệ:
Bộ phận Hợp tác và
Hoạt động văn hoá tại
Hà Nội
Hanoi.cooperation@diplomatie.gouv.fr

Đánh giá và phát huy đa dạng sinh học động vật nuôi và động vật hoang dã tại Việt Nam (Biodiva)

Ở Việt Nam, do nhiều lý do về địa lý và lịch sử, các khu vực miền núi đã bảo tồn được sự đa dạng đặc biệt của các loài động vật hoang dã và động vật nuôi có lợi ích kinh tế và di sản. Ý thức được sự phong phú này, trong khuôn khổ Chương trình hành động vì đa dạng sinh học, chính phủ Việt Nam quyết định tập trung nỗ lực của mình để đánh giá, bảo tồn và phát huy các nguồn gen động vật. Dự án này là một bộ phận cấu thành của chương trình hành động trên. Dự án này được Trung tâm hợp tác quốc tế nghiên cứu nông nghiệp vì sự phát triển của Pháp (CIRAD) cùng Viện nghiên cứu nông nghiệp quốc gia (INRA), đại diện phía Pháp và Viện chăn nuôi quốc gia (NIAH) cùng Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia (CNSNT), đại diện phía Việt Nam triển khai. Dự án nhằm mục đích tăng cường năng lực về khoa học, kỹ thuật và thể chế của các cơ quan nghiên cứu khoa học của Việt Nam có trách nhiệm quản lý các nguồn gen động vật và tăng cường năng lực của chính phủ để làm chủ những thách thức về sinh thái, kinh tế và xã hội liên quan đến đa dạng sinh học. Các tiểu dự án đi kèm sẽ được tiến hành trên thực địa với sự phối hợp của chính quyền và cộng đồng địa phương trên địa bàn 4 tỉnh miền Trung và miền Bắc Việt Nam; những tiểu dự án này sẽ kết hợp việc bảo tồn những nguồn gen trên thực địa với sự phát triển bền vững của người dân địa phương, nhóm dân cư nghèo nhất trong cả nước.

Đóng góp của Quỹ đoàn kết ưu tiên: 1,7 triệu € - Thời gian thực hiện dự án : 03 năm (2003-2006)

Địa chỉ liên hệ:
Bộ phận Hợp tác và
Hoạt động văn hoá tại
Hà Nội
Hanoi.cooperation@diplomatie.gouv.fr

Huy động thông tin phục vụ hoạch định các chính sách nông nghiệp (Mispa)

Dự án “Huy động thông tin phục vụ hoạch định các chính sách nông nghiệp” (Mispa) đã được Bộ Ngoại giao Pháp và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cùng xây dựng. Mục đích của dự án là góp phần hoạch định các chính sách nông nghiệp thông qua việc quản lý tốt hơn thông tin theo ngành. Cụ thể hơn, dự án nhằm tăng cường năng lực của Trung tâm thông tin Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ICARD) để Trung tâm có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Nhiều hình thức trợ giúp có thể được huy động để: (i) tăng cường cơ sở vật chất và nâng các năng lực cho các cán bộ của Trung tâm, (ii) tổ chức và theo dõi việc triển khai những nghiên cứu chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, (iii) nâng cao hoạt động phổ biến thông tin đối với các đối tác công và tư của Trung tâm, và (iv) tạo thuận lợi cho nghiên cứu chiến lược và thảo luận về chính sách công.

Đóng góp của quỹ đoàn kết ưu tiên FSP: 1,5 triệu € - Thời gian thực hiện dự án: 03 năm (2002-2005)

Địa chỉ liên hệ:
Bộ phận Hợp tác và
Hoạt động văn hoá tại
Hà Nội
Hanoi.cooperation@diplomatie.gouv.fr

Phát triển bền vững nông nghiệp ven đô tại Đông Nam Á (Susper)

Dự án nhằm cải thiện sự đóng góp của nông nghiệp ven đô vào vấn đề an toàn thực phẩm tại các thành phố ở Đông Nam Á: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Phnôm-Pênh và Viêng-Chăn. Các mục đích của dự án:

* Tăng cường khả năng phân tích và thực tiễn của các thể chế công và đối tác tư nhân trong các vấn đề kỹ thuật và thể chế của nông nghiệp ven đô, với tư cách là những đối tác đại diện. Để đạt được mục tiêu này, cần khuyến khích những hình thức tổ chức các nhà sản xuất cho phép nâng cao việc phổ biến sáng kiến kỹ thuật và tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường. Những hoạt động thí điểm được tiến hành tại các hệ thống trồng rau quả và nuôi trồng thủy sản có năng suất cao hơn và sạch hơn.

* Tăng cường sự phối hợp giữa các vùng về các vấn đề có lợi ích chung. Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Phnôm-Pênh và thành phố Viêng-Chăn có nhịp độ đô thị hóa rất khác nhau (thấp nhất là Viêng-Chăn và cao nhất là thành phố Hồ Chí Minh), cho phép tiến hành các nghiên cứu so sánh và trao đổi kinh nghiệm về những điều kiện phát triển nông nghiệp ven đô. Dự

án bao gồm 4 hợp phần lớn: (i) Phân tích các hệ thống sản xuất ven đô; (ii) Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ven đô; (iii) Sáng kiến cải tiến kỹ thuật và thể chế; (iv) Thông tin và phối hợp khu vực. Dự án này được hai đối tác là Trung tâm hợp tác quốc tế nghiên cứu nông nghiệp vì sự phát triển của Pháp (CIRAD) và Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau quả Châu Á (AVRDC) phối hợp thực hiện. Tại Việt Nam, các đối tác tham gia vào việc triển khai dự án này là Viện rau quả (Hà Nội) và Trường Đại học Nông lâm Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh).

Đóng góp của quỹ đoàn kết ưu tiên FSP: 1 triệu € - Thời gian thực hiện dự án: 03 năm (2001-2004).

Địa chỉ liên hệ:
Bộ phận Hợp tác và
Hoạt động văn hoá tại
Hà Nội
[Hanoi.cooperation@diplo
matie.gouv.fr](mailto:Hanoi.cooperation@diplo
matie.gouv.fr)

Dự án Hỗ trợ tổ chức sản xuất nông nghiệp tại miền Bắc (PAOPA)

Mục đích chung của dự án là phát huy tổ chức sản xuất nông nghiệp tại lưu vực sông Hồng nhằm nâng cao thu nhập, hỗ trợ quá trình tham gia hệ thống thương mại và tăng cường trình độ kỹ thuật và kiến thức kinh tế của người nông dân. Cụ thể hơn, dự án nhằm thúc đẩy các mô hình thể chế mới, tạo điều kiện thuận lợi cho đối thoại giữa người sản xuất và các thể chế quốc gia hỗ trợ nông nghiệp (bao gồm công tác nghiên cứu nông nghiệp, khuyến nông, đào tạo, tín dụng) và với các tác nhân trong khu vực tư nhân. Dự án nhằm đưa ra tính khả thi của mô hình đồng quản lý phát triển. Ngoài ra, việc thường xuyên hoàn thiện những tiêu chí kinh tế - kỹ thuật của hệ thống nông nghiệp, vốn cần thiết cho phát triển bền vững, cho phép các cơ quan nghiên cứu nông nghiệp của Việt Nam là đối tác của dự án nâng cao khả năng hội nhập của mình vào hệ thống nghiên cứu khoa học quốc tế. Các hoạt động của dự án dựa trên kinh nghiệm và các kết quả đạt được qua mười năm hợp tác Pháp - Việt trong lĩnh vực nghiên cứu nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đặc biệt, đây là những kinh nghiệm của Chương trình sông Hồng (Nhóm nghiên cứu và trao đổi công nghệ (GRET) và Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam (VASI)), của chương trình Hệ thống nông nghiệp miền núi (CIRAD, IRD và VASI) và chương trình Ecopol (CIRAD và VASI). Những kinh nghiệm này đã được huy động và phát huy thông qua những cuộc hội thảo, tham quan trên thực địa, bài báo, công trình khoa học, phóng sự ghi hình...).

Đóng góp của Quỹ đoàn kết ưu tiên: 1,5 triệu € - Thời gian thực hiện dự án: 03 năm (1999-2002).

Địa chỉ liên hệ:
Bộ phận Hợp tác và
Hoạt động văn hoá tại
Hà Nội
[Hanoi.cooperation@diplo
matie.gouv.fr](mailto:Hanoi.cooperation@diplo
matie.gouv.fr)

Trung tâm đào tạo nghề chế biến nông sản thực phẩm

Việc thành lập Trung tâm Pháp - Việt đào tạo nghề chế biến nông sản thực phẩm đang được nhóm các trường đại học Pháp phối hợp với các trường Đại học Thủ Đức và Cần Thơ nghiên cứu. Dự án nhằm đáp ứng ba yêu cầu chính: hỗ trợ hoạt động đầu tư của Pháp tại Việt Nam; tham gia vào quá trình phát triển công nghệ của ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm Việt Nam; tìm cơ hội hợp tác về công nghiệp và kinh tế và có thể xác định triển vọng của ngành này trên quy mô quốc gia và khu vực.

Đóng góp của Quỹ đoàn kết ưu tiên: Hồ sơ đang được nghiên cứu - Thời gian thực hiện dự kiến: 03 năm (2004-2007)

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VỀ KHOA HỌC VÀ ĐẠI HỌC

Địa chỉ trên Internet: www.cirad.gouv.fr và www.ird.fr

Địa chỉ liên hệ:
Văn phòng đại diện khu
vực của CIRAD
ciradvn@hn.vnn.vn

Thói quen tiêu dùng thực phẩm, nhận thức của người tiêu dùng Việt Nam về rủi ro, vệ sinh và chất lượng dinh dưỡng của thực phẩm

Chương trình nghiên cứu này kết hợp các bộ môn xã hội học (xã hội học về thực phẩm, xã hội học về rủi ro) và các bộ môn kinh tế (kinh tế thoả thuận). Mục tiêu của chương trình là xác định diễn biến của phương thức tiêu dùng thực phẩm ở Việt Nam, các nhân tố ảnh hưởng và các tiến trình nhận thức xã hội về chất lượng, rủi ro và lòng tin. Công việc này được thực hiện thông qua việc xác định các thói quen tiêu dùng thực phẩm khác nhau của người Việt Nam, phân tích hành vi và nhận thức của người tiêu dùng về các rủi ro thực phẩm (vệ sinh và dinh dưỡng) và nghiên cứu về độ tin cậy của các dấu hiệu chất lượng hiện hành. Các kết quả nghiên cứu nhằm phục vụ cho việc thông tin tốt hơn tới người tiêu dùng mối liên hệ giữa các loại thực phẩm và sức khoẻ,



và cũng để phục vụ cho việc xác định các điều kiện xây dựng niềm tin đối với các dấu hiệu chất lượng. Đồng thời, các kết quả cần đạt được là tăng cường năng lực nghiên cứu xã hội học về thực phẩm ở Việt Nam thông qua việc tổ chức các cuộc hội thảo lý thuyết và thực hành. Đây là kết quả của sự hợp tác giữa CIRAD và Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (CNSH).

Địa chỉ liên hệ:
Ban điều phối PCP
malica@fpt.vn

Thị trường và cung cấp nông phẩm ở Châu Á (PCP Malica)

Chương trình Malica (Market and agriculture linkages for cities of Asia) tập hợp các viện nghiên cứu của Pháp và Việt Nam (CIRAD, Viện xã hội học thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Rau quả, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, Trường đại học nông nghiệp Hà Nội, Trường đại học nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh). Mục đích chính là tăng cường khả năng phân tích của các nhà nghiên cứu, sinh viên, công chức, nhà lãnh đạo các tổ chức tư nhân về các thị trường thực phẩm và các mối liên hệ giữa thành phố và nông thôn. Những phương pháp này được áp dụng trong các dự án nghiên cứu sự cân đối giữa sản xuất thực phẩm và nhu cầu của thị trường nội địa, kể cả về số lượng và chất lượng, ví dụ như dự án Susper, hoặc như dự án nghiên cứu về thói quen tiêu dùng thực phẩm và nhận thức về rủi ro. Bên cạnh các phân tích truyền thống về hiệu quả kỹ thuật và kinh tế của những giai đoạn khác nhau của các ngành sản xuất, các cơ chế thông tin và phối hợp giữa các tác nhân cung - cầu cũng được xem xét. Các phương pháp phân tích về việc tiêu thụ và ngành hàng được áp dụng trong hai lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên: xây dựng chất lượng trong lĩnh vực thực phẩm; điều tiết các nguồn hàng từ khu vực ven đô, nông thôn và nước ngoài. Các hoạt động chính được thực hiện từ một năm nay đã áp dụng các phương pháp này đối với các ngành hàng rau, thịt lợn và ngô, phân tích các thị trường bán buôn cũng như soạn thảo một tài liệu chiến lược về những thay đổi trong lĩnh vực lương thực.

Địa chỉ liên hệ:
CIRAD-Prise c/o NIAH
ciradprise@hn.vnn.vn

Tăng cường các hệ thống chăn nuôi (PCP Prise)

Chương trình nghiên cứu này được tiến hành với sự cộng tác giữa Bộ phận chăn nuôi và thú y của CIRAD, Viện chăn nuôi quốc gia (NIAH), và một số cơ quan nghiên cứu khác của Việt Nam nhằm mục đích:

- * Hỗ trợ người chăn nuôi trong quá trình tăng cường hoạt động chăn nuôi ở địa phương, đáp ứng các nhu cầu về năng suất chăn nuôi, chất lượng thành phẩm và ảnh hưởng của sản xuất đến môi trường.
- * Phát triển công tác kiểm định khoa học đối với các nhóm sản xuất chăn nuôi, các dự án hỗ trợ sản xuất của các viện nghiên cứu và các dự án của các tổ chức phi chính phủ.
- * Xây dựng một mối liên kết chặt chẽ giữa nghiên cứu chuyên sâu và phổ biến kiến thức trên thực địa.
- * Bảo đảm chuyển giao công nghệ và kỹ năng thông qua các chương trình đào tạo cấp bằng và/hoặc đào tạo kỹ thuật

Bảo quản và sử dụng các nguồn gen vì sự phát triển bền vững của ngành sản xuất quả có múi

Chương trình nghiên cứu - phát triển này được tiến hành với sự cộng tác giữa CIRAD, Viện nghiên cứu Nông nghiệp quốc gia Pháp (INRA), Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam (VASI), Viện di truyền nông nghiệp (AGI), Viện bảo vệ thực vật (INPP) và Viện nghiên cứu cây ăn quả Miền Nam (SOFRI). Chương trình này được vùng Corse hỗ trợ về tài chính. Chương trình nhằm 3 mục đích: (i) xác định đặc tính của các giống cây trồng ở Việt Nam (nguồn gốc của các giống cây này), thuần chủng giống cây và thiết lập một viện bảo tồn giống quốc gia để phục vụ cho công tác phân phối các giống cây thuần chủng, bảo đảm chất lượng vệ sinh hoặc làm cơ sở cho các chương trình cải tạo giống; (ii) cải thiện chất lượng của các loại quả thông qua một chương trình lai tạo giữa các giống cây của Việt Nam và vùng Địa Trung Hải (nghiên cứu các giống không hạt); (iii) đánh giá giống cây trồng phục vụ cho nghiên cứu về đặc tính kháng bệnh Huanglongbing (bệnh nhiễm khuẩn gây thoái hoá giống). Sau giai đoạn nghiên cứu này, chương trình còn tham gia công tác hỗ trợ phát triển: giúp sản xuất các loại cây con chất lượng cao (vườn ươm) và tìm ra các phương thức quản lý tối ưu các vườn cây ăn quả.

Địa chỉ liên hệ:
Văn phòng đại diện khu vực của CIRAD
ciradvn@hn.vnn.vn

Địa chỉ liên hệ:
Văn phòng đại diện khu
vực của CIRAD
ciradvn@hn.vnn.vn
Văn phòng đại diện của
IRD
repird@fpt.vn

Chương trình Hệ thống nông nghiệp miền núi.

Tại các vùng miền núi phía Bắc Việt Nam, sự gia tăng dân số, quá trình tư nhân hoá nền kinh tế và việc phân phối các loại đất đồi gần đây đã tạo nên sự biến đổi nhanh chóng trong các hệ thống sản xuất nông nghiệp. Các nghiên cứu tiến hành trong giai đoạn đầu đã cho phép: (i) nắm bắt hiện trạng sản xuất nông nghiệp và môi trường ở các cấp độ khác nhau từ quy mô trang trại đến quy mô toàn vùng, (ii) đưa ra các giải pháp kỹ thuật và tổ chức để xây dựng các hệ thống sản xuất bền vững hơn, (iii) phát triển các phương pháp nhân rộng các kết quả thu được tại địa phương và cung cấp các công cụ trợ giúp công tác ra quyết định phục vụ cho các tác nhân phát triển nông nghiệp và các cơ quan quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Mục tiêu chính của chương trình là ứng dụng những kết quả đã đạt được để cùng với những người nông dân và những tác nhân khác phát triển các hệ thống trồng trọt bền vững, có hiệu quả kinh tế cao và thu hút nông dân, cho phép đáp ứng được các nhu cầu ổn định của nông nghiệp và gìn giữ môi trường. Bên cạnh đó, chương trình còn có mục đích xây dựng một phương pháp quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên chung (các bãi chăn thả, rừng) và xây dựng các chính sách khuyến khích nông dân áp dụng những cải tiến này. Việc đào tạo nông dân, các tác nhân phát triển và các cán bộ Việt Nam để chuẩn bị phổ biến rộng rãi các kiến thức này cũng là một mục tiêu quan trọng của dự án.

Phương pháp tiếp cận được sử dụng là tiến hành dự đoán nông nghiệp và các thử nghiệm tại khu vực bán kiểm soát và ngay tại nơi sản xuất để hoàn thiện hệ thống trồng trọt bền vững và hoàn toàn phù hợp với hoạt động của nông dân (quan hệ giữa nông nghiệp và chăn nuôi). Các công cụ cho phép tổng kết kinh nghiệm thu được (khuyến cáo, hệ thống thông tin địa lý, trò chơi đóng vai, cơ chế đối thoại) cũng được áp dụng trong chương trình. Chương trình này được thực hiện với sự cộng tác giữa CIRAD, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam (VASI), Viện nghiên cứu phát triển Pháp (IRD) và Viện nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI).

Địa chỉ liên hệ:
Đại diện của IRD
repird@fpt.vn

Xói mòn và những thay đổi trong việc sử dụng đất.

Chương trình nghiên cứu ECU (UR049), được IRD và Viện nông hoá thổ nhưỡng Việt Nam (NISF) triển khai ở Việt Nam, là một bộ phận cấu thành của mạng lưới khu vực "Monitoring soil erosion consortium" (MSEC) do Viện quản lý nước quốc tế (IWMI) điều phối trên phạm vi 6 nước ở Đông Nam Á. Chương trình này nhằm nghiên cứu ảnh hưởng của các hệ thống canh tác đến sự xói mòn của các loại đất trồng trọt ở sườn đồi và qua đó có thể dự đoán được tốt hơn diễn biến của hiện tượng này. Trên thực tế, xói mòn là nguyên nhân đầu tiên của suy thoái đất trên thế giới, làm giảm diện tích đất trồng trọt, giảm độ màu mỡ của đất, gây hậu quả lớn về ô nhiễm nguồn nước và đất và cuối cùng là bồi lấp dần các hồ chứa nước cùng những diện tích được tưới tiêu. Tuy nhiên, mức độ xói mòn thay đổi một cách đáng kể tùy theo từng hệ thống canh tác. Do vậy dự án ECU (i) đánh giá ảnh hưởng của những thay đổi nhanh chóng trong việc sử dụng đất đến hiện tượng xói mòn đất ở nông thôn thông qua một phương pháp tiếp cận đa ngành, (ii) thử nghiệm các phương pháp giữ đất trong nông nghiệp với phương pháp tiếp cận đồng tham gia, (iii) phát triển các khả năng dự báo trước về hiện tượng xói mòn của đất xuất phát từ các nhân tố tự nhiên và con người, (iv) tham gia công tác đào tạo về quản lý tổng thể lưu vực dốc.

Địa chỉ liên hệ:
Đại diện của IRD
repird@fpt.vn

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng mãn tính ở trẻ em tại Việt Nam (chương trình Fasevie).

Viện nghiên cứu phát triển là đối tác khoa học của chương trình Fasevie, với sự cộng tác của Viện dinh dưỡng quốc gia (xem chi tiết phần Các hoạt động của các tổ chức đoàn kết quốc tế).

Địa chỉ liên hệ:
Giáo sư Claude Chevrier,
Trưởng Khoa chăn nuôi -
Trường Đại học Tours
chevrier@univ-tours.fr

Chuyển giao và đổi mới nội dung đào tạo tại bằng cao học DESS chuyên ngành "Chăn nuôi, Môi trường, Vệ sinh và Chất lượng"

Hoạt động hợp tác trong lĩnh vực đào tạo này được phối hợp giữa các đối tác là Khoa chăn nuôi của Trường Đại học Tours và Trường Đại học nông lâm Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh). Các chuyên gia ngành nuôi chim và nuôi lợn cũng tham gia tích cực vào hoạt động này. Mục tiêu chính của chương trình là chuyển giao kiến thức và kỹ năng để cho phép các cán bộ đào tạo của Việt Nam có thể đảm nhiệm được chương trình đào tạo cao học trong khuôn khổ hợp tác giữa hai trường đại học sau 4 năm tới.



CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

Địa chỉ trên internet: www.afdi-opa.org; www.gret.org; www.vsf-france.org;
www.handicap-international.org

Trợ giúp cho những người nuôi bò sữa tại 6 xã thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ liên hệ:
Đại diện của AFDI-HN
afdihn@fpt.vn

Các hoạt động này được AFDI - Haute Normandie triển khai với sự cộng tác của VASI và Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội (HAU), bao gồm những nội dung chính sau: trợ giúp cho công tác tổ chức thu mua nhằm cải thiện chất lượng sữa và nâng cao thu nhập; cải tạo khu nhà chăn nuôi; xây dựng hệ thống thuốc thú y; tiến hành thử nghiệm việc xây dựng các bãi chăn thả; đào tạo và tư vấn kỹ thuật cho các cá nhân và tập thể.

Chương trình sông Hồng.

Địa chỉ liên hệ:
Đại diện của GRET
gretvn@gret.org.vn

Tại 5 địa điểm điển hình của 5 hệ thống nông nghiệp chính tại lưu vực sông Hồng, từ năm 1989, chương trình này kết hợp công tác nghiên cứu và đào tạo với hoạt động khuyến khích ứng dụng các cải tiến kỹ thuật, kinh tế và xã hội tại các hộ sản xuất. Những hoạt động hiện đang tiến hành trên các địa điểm khác nhau bao gồm: thử nghiệm các hình thức quản lý nước mới; nghiên cứu công tác tổ chức các ngành sản xuất; thực hiện các thử nghiệm trong tăng cường và đa dạng hóa chăn nuôi; thiết lập các quỹ đầu tư tập thể; phát triển trồng lúa (nghiên cứu về canh tác lúa, quy hoạch các ruộng lúa, ...); đưa ra những phương thức canh tác mới và điều chỉnh cho phù hợp các hệ thống canh tác hiện nay; bảo vệ rừng; trợ giúp việc phát triển các tổ chức nông dân; nghiên cứu các mô hình khai thác bền vững thích hợp; phổ biến việc thiết lập các quỹ tín dụng nông thôn địa phương.

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng mãn tính ở trẻ em Việt Nam (chương trình Fasevie)

Địa chỉ liên hệ:
Đại diện của GRET
gretvn@gret.org.vn

Suy dinh dưỡng ở trẻ em, biểu hiện ở sự thiếu hụt các vi chất dinh dưỡng, là một vấn đề sức khỏe cộng đồng vì có thể tiếp tục tác động đến 34% trẻ em, và đôi khi để lại những hậu quả không thể khắc phục được đối với sự phát triển của trẻ em, đặc biệt tại các địa phương nghèo nhất. Việc thiếu hụt các loại thức ăn bổ sung ngoài sữa mẹ, có chất lượng và giá cả hợp lý, là một trong những nguyên nhân chính của hiện tượng này. Chương trình Fasevie, được Nhóm nghiên cứu và trao đổi công nghệ Pháp (Gret) khởi xướng vào năm 1994 với sự hỗ trợ về khoa học và kỹ thuật của Viện nghiên cứu phát triển Pháp (IRD) và Viện dinh dưỡng quốc gia Việt Nam (NIN), nhằm mục đích cải thiện tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em nhỏ tuổi. Chương trình này kết hợp việc xây dựng mạng lưới sản xuất và thương mại các loại thực phẩm bổ sung có chất lượng và dễ dàng đến với mọi người dân với các hoạt động giáo dục về dinh dưỡng. Chương trình được triển khai với sự cộng tác của các cơ quan y tế và giáo dục tại các địa phương.

Tổ chức sản xuất nông nghiệp phục vụ nhu cầu thực phẩm và phát triển kinh tế (Opale)

Địa chỉ liên hệ:
Đại diện của GRET
gretvn@gret.org.vn

Mục tiêu tổng thể của dự án là cải thiện việc cung ứng, về số lượng và chất lượng, của các đơn vị công nghiệp thực phẩm thông qua việc ký kết hợp đồng giữa các đơn vị này với nhóm các nhà sản xuất có tổ chức. Giai đoạn đầu được triển khai với mục đích là thực hiện một nghiên cứu có tính chuẩn đoán hiện trạng, với những mục tiêu đặc thù là: dự đoán về các hệ thống sản xuất nông nghiệp, thực hiện phân tích nông nghiệp về các hệ thống canh tác, và phân tích các mạng lưới thương mại các sản phẩm chứa dầu và đạm.

Địa chỉ liên hệ:
Đại diện của GRET
gretvn@gret.org.vn

Nông nghiệp ven đô tại hai thành phố cấp hai ở miền Bắc Việt Nam (Rurbasie)

Dự án nghiên cứu này được triển khai với sự cộng tác của GRET và VASI, nhằm mục đích đánh giá những ảnh hưởng của sự phát triển của các trung tâm đô thị cấp hai đến nông nghiệp, thông qua các chỉ tiêu về tính cạnh tranh về nguồn lực và tính năng động trong việc thiết lập các thị trường mới. Cụ thể hơn, dự án này đặt ra 3 mục tiêu: (i) Đánh giá đặc thù của sự cạnh tranh các nguồn tài nguyên (nước và đất đai) giữa các hoạt động đô thị và nông nghiệp; (ii) Miêu tả và phân tích sự phát triển của các luồng luân chuyển (dịch vụ và sản phẩm của các ngành hàng ngắn ngày) đang gia tăng giữa khu vực thành thị và nông thôn tại khu vực ven đô; (iii) Đưa các kết quả thu được của dự án vào những vấn đề quốc gia về phát triển kinh tế và quy hoạch lãnh thổ.

Địa chỉ liên hệ:
Bernard Protte, đại diện
của HI
Hivietnam@hn.vnn.vn

Dự án điểm về đổi mới giảng dạy kỹ thuật trong các trường văn hóa dân tộc nội trú ở miền Bắc Việt Nam.

Vào năm 2001, nhờ có sự đồng tài trợ của Bộ phận Hợp tác phi chính phủ của Bộ Ngoại giao Pháp, Văn phòng đại diện Tổ chức Người khuyết tật quốc tế tại Việt Nam đã phối hợp triển khai cùng với một tổ chức phi chính phủ địa phương - Hội khuyến học Việt Nam (VIPASED) - một chương trình thí điểm với thời hạn 3 năm nhằm hỗ trợ việc giảng dạy kỹ thuật tại các trường trung học dân tộc nội trú thuộc các vùng miền núi của hai tỉnh phía Bắc.

Như vậy, kể từ năm 2001, 4 trường dân tộc nội trú của các tỉnh Lào Cai và Bắc Kạn có thể giảng dạy những kỹ thuật canh tác và chăn nuôi, thử nghiệm các loại hạt giống và kỹ thuật canh tác nắm tại các trường dân tộc nội trú và tại gia đình và bản làng của các học sinh. Các học sinh này đã có thể tham gia vào việc khám phá trên thực địa. Các cuộc tham quan đã được tổ chức tại các trang trại xung quanh trường học và dự án cũng đã được thiết lập được mối quan hệ hợp tác với các cơ quan khuyến nông. Các giáo viên của các huyện khác cũng có thể tham gia vào các cuộc hội thảo về phương pháp sư phạm và làm quen với các phương pháp giảng dạy mới, cũng như chia sẻ các công cụ dạy học tại 4 trường dân tộc nội trú thuộc dự án. Giai đoạn thí điểm của chương trình sẽ kết thúc vào đầu năm 2004; những kết quả hy vọng thu được và công tác theo dõi sẽ được đánh giá tùy thuộc vào các mục tiêu đã được Chính phủ đề ra trong chiến lược giáo dục và chiến lược xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng đến năm 2010.

Địa chỉ liên hệ:
Bernard Protte, đại diện
của HI
Hivietnam@hn.vnn.vn

Hỗ trợ lập nghiệp cho các học sinh tốt nghiệp các trường dân tộc nội trú tại phía Bắc Việt Nam (2004-2006).

Dự án này, hiện đang được Quỹ phát triển xã hội thuộc Đại sứ quán Pháp tài trợ trong giai đoạn thử nghiệm tại tỉnh Bắc Kạn, có liên hệ chặt chẽ với dự án thí điểm về đổi mới giảng dạy kỹ thuật tại các trường dân tộc nội trú. Dự án trợ giúp cho giai đoạn khởi đầu của các tiểu dự án nghề nghiệp của các học sinh tốt nghiệp phổ thông. Mục tiêu của dự án là giúp các học sinh có được những định hướng về nghề nghiệp và kinh tế khi mới ra trường để có thể giúp đỡ được gia đình của mình tại các địa phương nghèo, miền núi và hẻo lánh. Các hoạt động hỗ trợ thông tin và hướng nghiệp, tổ chức khoá đào tạo ngắn ngày, cũng như hỗ trợ tiếp cận các khoản tín dụng nhỏ để thực hiện các dự án độc đáo do học sinh xây dựng với sự công tác của các trường cho phép các học sinh chịu có hoàn cảnh khó khăn nhất thực hiện những dự án nhỏ có thể tạo thu nhập trong các lĩnh vực nông nghiệp, thú y, cơ khí và điện, hoặc làm nghề trợ giúp cho trẻ em đến tuổi đi học và trợ giúp người khuyết tật. Công tác khảo sát đã được tiến hành tại bốn tỉnh phía Bắc để chuẩn bị triển khai chương trình mới này: tại các tỉnh Lào Cai và Bắc Kạn có Văn phòng người khuyết tật quốc tế và Tổ chức hành động Bắc - Nam, với đối tác là Vipased/Cesema. Tổ chức này đã hoạt động tại hai tỉnh Cao Bằng và Lai Châu.

Địa chỉ liên hệ:
Đại diện Tổ chức Bác sỹ
thứ y không biên giới
vsf@fpt.vn

Dự án Miền núi Phú Thọ (2001 - 2003)

Với sự cộng tác của Sở thú y tỉnh Phú Thọ, dự án này nhằm mục đích xây dựng, thử nghiệm, nhiệm thu và phổ biến cơ chế trợ giúp thành lập các cơ sở thú y, kết hợp nhiều loại hình dịch vụ do người chăn nuôi tài trợ. Các hoạt động này được quản lý ở cấp xã, đặc biệt sẽ cho phép bổ trợ và giảm tải công việc cho các trạm khuyến nông của nhà nước ở cấp huyện.



Dự án cũng xây dựng, thử nghiệm, nhiệm thu và phổ biến các mạng lưới thú y bền vững và có thể nhân rộng, trong đó tập hợp các cơ sở thú y của Nhà nước và tư nhân, cho phép (i) cải thiện việc tiếp cận nguồn thông tin và các khoá đào tạo thường xuyên cho những người hành nghề thú y tư; (ii) nâng cao hiểu biết về vấn đề sức khoẻ và vệ sinh động vật.

Các đơn vị tài trợ: Bộ Ngoại giao Pháp, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ, các nhà tài trợ tư nhân.

Phối hợp hỗ trợ phát triển chăn nuôi tại Nghệ An (2003 - 2004)

Mục tiêu của dự án là tăng cường năng lực của các cán bộ thuộc trung tâm chăn nuôi tỉnh, đối tác chính của dự án, để có đủ khả năng hỗ trợ có hiệu quả hơn những người chăn nuôi lợn và bò sữa.

Các đơn vị tài trợ: Hội đồng Tỉnh Côtes d'Armor, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, các nhà tài trợ tư nhân.

Địa chỉ liên hệ:

Đại diện Tổ chức Bác sỹ thú y không biên giới
vsf@fpt.vn

Địa chỉ liên hệ:

Đại diện của Tổ chức Vietnam Plus
bkervyn@hcm.vnn.vn

Phát triển địa phương tại vùng đồng bằng sông Mê Kông.

Tổ chức Việt Nam Plus hoạt động trong các lĩnh vực sau: thành lập các hệ thống tín dụng làng xã, y tế, vệ sinh, giáo dục, khuyến nông, nhà hát mang tính giáo dục.

HỖ TRỢ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÀ BỘ NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM, THỦY SẢN VÀ CÁC VẤN ĐỀ NÔNG THÔN

Địa chỉ liên hệ:

Philippe Bourdon
Philippe.bourdon@aquitainie.fr

Hội đồng vùng Aquitaine

Tài trợ một chương trình thử nghiệm khả năng thích nghi với điều kiện khí hậu của các loại cây ăn quả như đào, mận, roi, hồng (hiện đã có mặt tại Việt Nam), táo, mơ cũng như nho tại tỉnh Lào Cai. Chương trình này nhằm mục đích giới thiệu cho dân chúng nông thôn và miền núi nhiều loại cây trồng khác nhau; đồng thời phát triển sản xuất tại chỗ các loại quả vốn được bán rộng rãi trên thị trường nội địa nhưng phải nhập khẩu từ Trung quốc, Ôxtrâyliá.... Tham gia chương trình này về phía Pháp có các trường đại học Bordeaux I và III, Viện khoa học và kỹ thuật thực phẩm (Istab) và Trung tâm liên vùng thử nghiệm trồng cây ăn quả (Cirea).

Địa chỉ liên hệ:

Norbert Pancrazi
npancrazi-coopdec@sitec.fr

Cộng đồng lãnh thổ Corse

Tài trợ cho chương trình nghiên cứu về cải thiện các giống quả có múi được phát triển tại Việt Nam. Chương trình được thực hiện với sự hợp tác giữa chi nhánh của Viện nghiên cứu Nông nghiệp quốc gia Pháp tại đảo Corse, một nhóm chuyên gia của CIRAD ở Việt Nam và ngành nghiên cứu rau quả Việt Nam. Cùng cộng tác với Trường Đại học tổng hợp Hà Nội, đảo Corse còn tài trợ cho một dự án nghiên cứu nhằm nâng cao giá trị của các loại cây hương liệu. Cuối cùng, với sự cộng tác của chi nhánh của Viện nghiên cứu Nông nghiệp quốc gia Pháp tại đảo Corse và trong khuôn khổ Chương trình sông Hồng, Cộng đồng lãnh thổ Corse cũng hỗ trợ đào tạo các kỹ sư Việt Nam và công tác nghiên cứu các hệ thống chăn nuôi lợn (tỉnh Hải Dương) và bò (tỉnh Bắc Kạn).

Xem thêm: Các hoạt động của các tổ chức đoàn kết quốc tế.

Hội đồng tỉnh Côtes-d'Armor

Tài trợ cho các chương trình FASEVIE và OPALE tại tỉnh Hà Tĩnh và một chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa và lợn ở Nghệ An. Xem thêm: Các hoạt động của các tổ chức đoàn kết quốc tế.

Địa chỉ liên hệ:

Michèle Pasteur
Pasteurmichele@cg22.fr

Địa chỉ liên hệ:
Angèle Ploquin
a.ploquin@touraine-dev.org

Hội đồng tỉnh Indre-et-Loire

Tài trợ cho chương trình đào tạo cao học cấp bằng DESS tại chỗ - chuyên ngành “Chăn nuôi, Môi trường, Vệ sinh và Chất lượng” - của Trường Đại học Tours trong khuôn khổ hợp tác với Trường Đại học nông lâm Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh).
Xem thêm: Các chương trình hợp tác khoa học và đào tạo đại học

Địa chỉ liên hệ:
Michel Auzié
michel.auzie@cr-mip.fr

Hội đồng vùng Midi-Pyrénées

Đầu năm 2003, một chuyển công tác bao gồm các đại diện của Hội đồng vùng Midi-Pyrénées, Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm, Thủy sản và Các vấn đề nông thôn Pháp và Hiệp hội Đông-Tây vì sự phát triển nông nghiệp quốc tế (Asodia) đã cho phép xác định dự án “Cải thiện sản xuất nông nghiệp và thực phẩm với các quy trình chất lượng và các khâu sản xuất có tổ chức”. Dự án này sẽ được thực hiện trong khuôn khổ một nghị định thư được ký giữa các Bộ Nông nghiệp của hai nước và Vùng Midi-Pyrénées. Dự án này sẽ được triển khai tại hai tỉnh: Sơn La với việc trợ giúp sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa; Cần Thơ với việc phát triển các sản phẩm hoa quả.

Địa chỉ liên hệ:
Anne Waxin
a.waxin@cr-ndpc.fr

Hội đồng vùng Nord-Pas-de-Calais

Tài trợ các chương trình FASEVIE và OPALE (Xem thêm: các hoạt động của các tổ chức đoàn kết quốc tế) tại tỉnh Quảng Nam. Hội đồng vùng này cũng tài trợ cho các dự án có nguồn tài chính nhỏ và phát triển nuôi trồng thủy sản tại miền Trung Việt Nam (Huế).

Địa chỉ liên hệ:
plancoop@cr-poitou-charentes.fr

Hội đồng vùng Poitou-Charentes

Tài trợ cho việc xây dựng quy trình chất lượng của ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Tham gia chương trình này, về phía Pháp, có Viện nghiên cứu về chất lượng nông sản thực phẩm của vùng (IRQUA), Trung tâm thử nghiệm và ứng dụng nuôi trồng thủy sản vùng (CREAA); về phía Việt Nam có Hiệp hội xuất nhập khẩu thủy sản (VASEP).

Địa chỉ liên hệ:
plancoop@cr-poitou-charentes.fr

Hội đồng vùng Rhône-Alpes

Tài trợ cho một chương trình hỗ trợ và trao đổi để cơ cấu lại ngành trồng cây ăn quả tại tỉnh Cần Thơ. Đây là một chương trình hợp tác giữa các chuyên gia về cây ăn quả của vùng Rhône-Alpes (Hợp tác xã Chabanel), những người trồng cây ăn quả tại tỉnh Cần Thơ và các tác nhân khác trong ngành trồng cây ăn quả, cũng như các cơ quan nông nghiệp của tỉnh. Vùng Rhône-Alpes cũng tài trợ cho một chương trình phát triển sữa tại tỉnh Đồng Nai. Chương trình này bắt đầu từ năm 1998 với việc đào tạo bác sỹ thú y chuyên ngành cho của các cơ sở tư nhân và cơ quan Nhà nước, và các cán bộ quản lý các cơ sở chăn nuôi (đây là chương trình hợp tác giữa Hiệp hội hợp tác và trao đổi thú y Đông-Tây và khoa thú y của Trường Đại học Thủ Đức). Kể từ 3 năm nay, chương trình này đã giúp xây dựng một phòng khám thú y kiểu mẫu tại tỉnh Đồng Nai, cho phép bảo đảm phát triển bền vững trong sản xuất sữa để cung cấp cho các thị trường đô thị, nhất là Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ:
Andrée Pasternak
andree.pasternak@agriculture.gouv.fr

Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm, Thủy sản và Các vấn đề nông thôn (Maapar)

Bộ Nông nghiệp, thực phẩm, Thủy sản và Các vấn đề nông thôn tham gia tài trợ cho một chương trình hợp tác Pháp - Việt trong lĩnh vực xây dựng các Chỉ dẫn Địa lý và đấu tranh chống hàng giả do Văn phòng liên ngành quốc gia về rượu Cô nhắc (BNIC) triển khai. Chương trình này đã cho phép thiết lập một hệ thống nhận biết và kiểm soát các Chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam và ủng hộ việc thừa nhận các Tên gọi xuất xứ của Việt Nam trong tương lai trong khuôn khổ Liên minh châu Âu. Bộ Nông nghiệp, thực phẩm, Thủy sản và Các vấn đề nông thôn cũng tham gia vào các hoạt động hợp tác của Vùng Midi-Pyrénées.
(xem thêm phần in nghiêng)



DANH SÁCH TÊN VIẾT TẮT CỦA CÁC ĐỐI TÁC TRONG CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM

AFD	Cơ quan phát triển Pháp
AFDI-HN	Hội nông dân Pháp và phát triển quốc tế - Haute Normandie
AGI	Viện di truyền nông nghiệp
ASODIA	Hiệp hội phát triển nông nghiệp quốc tế khu vực Tây Nam
AVRDC	Tổ chức quốc tế Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau quả châu Á
BNIC	Văn phòng liên ngành quốc gia về rượu Cognac
CEVEO	Hợp tác và trao đổi thú y Đông - Tây
CIRAD	Trung tâm hợp tác quốc tế nghiên cứu nông nghiệp vì sự phát triển
CIREA	Trung tâm liên vùng về thử nghiệm thực vật
CNRS	Trung tâm nghiên cứu khoa học quốc gia
CNSNT	Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia
CNSSH	Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia
CREAA	Trung tâm thử nghiệm và ứng dụng thủy hải sản vùng Poitou-Charentes
ENGREF	Đại học nông lâm nghiệp và thủy lợi
ENSIA-SIARC	Khoa công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm các vùng nhiệt đới của Đại học quốc gia về công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm
FFEM	Quỹ môi trường thế giới của Pháp
GERUCO	Tổng công ty cao su Việt Nam
GRET	Nhóm nghiên cứu và trao đổi công nghệ
HAU	Đại học nông nghiệp Hà Nội
HI-ANS	Hội người khuyết tật quốc tế - Hành động Bắc- Nam
ICARD	Trung tâm thông tin nông nghiệp và phát triển nông thôn
INA-PG	Viện nông nghiệp quốc gia Paris-Grignon
INRA	Viện nghiên cứu nông nghiệp quốc gia
IRD	Viện nghiên cứu phát triển
IRQUA	Viện chất lượng thực phẩm (vùng Poitou-Charentes)
IRRI	Tổ chức quốc tế Viện nghiên cứu lúa quốc tế
ISTAB	Viện khoa học và kỹ thuật thực phẩm vùng Bordeaux
IWMI	Tổ chức quốc tế Viện quản lý nước quốc tế
MAAPAR	Bộ nông nghiệp, lương thực, thủy sản và nông thôn
MAE	Bộ Ngoại giao
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
ME	Thương vụ - Đại Sứ quán Pháp
NIAH	Viện chăn nuôi quốc gia
NIN	Viện dinh dưỡng quốc gia
NIPP	Viện bảo vệ thực vật
NISF	Viện nông hoá thổ nhưỡng
NIVR	Viện thú y
SCAC	Bộ phận Hợp tác và Hoạt động văn hoá - ĐSQ Pháp
SOFRI	Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam
TANISUGAR	Công ty đường tỉnh Tây Ninh
VASEP	Hiệp hội các nhà sản xuất và xuất khẩu thủy hải sản Việt Nam
VASI	Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam
VBARD	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
VCC	Tổng công ty vải sợi Việt Nam
VICOFA	Hiệp hội cà phê Việt Nam
VINACAFE	Tổng công ty cà phê Việt Nam
VIPASED	Hiệp hội xúc tiến và hỗ trợ giáo dục Việt Nam
VP	Tổ chức Vietnam plus
VSF	Tổ chức bác sỹ thú y không biên giới

NHỮNG ẢN PHẨM MỚI XUẤT BẢN

NHỮNG ẢN PHẨM ĐẠI CƯƠNG

Paule Moustier, Dao The Anh, Muriel Figuié	<i>Những thay đổi trong lĩnh vực lương thực tại Việt Nam. Thực trạng chiến lược. Cirad-Malica. Đại Sứ quán Pháp tại CHXHCN Việt Nam. Hà Nội. Pháp. 105 trg. (sắp xuất bản)</i>
Nhiều tác giả	<i>Kỷ yếu hội thảo “Những phương pháp tiếp cận mới phục vụ cho phát triển nông nghiệp” do các đối tác của dự án Paopa tổ chức tại Hà Nội từ 23 - 27/09/02. Tài liệu giới thiệu về dự án hợp tác của Pháp tại Việt Nam. ĐSQ Pháp tại CHXHCN Việt Nam. Hà Nội. Pháp và Việt. (sắp xuất bản)</i>
Nhiều tác giả	<i>Chăn nuôi ở Việt Nam - triển vọng 2010. Mô hình tổng hợp và định hướng chiến lược. Ấn phẩm PRISE. Hà Nội. Pháp, Việt và Anh, 12 trg. (2003)</i>
Dao The Anh	<i>Những cải cách kinh tế xã hội và ứng dụng cách hoạt động của các hộ nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng. Luận án tiến sỹ, Ensa Montpellier. Dự án sông Hồng. Pháp (2003)</i>
Pascal Bergeret	<i>Nông dân, Nhà nước và thị trường Việt Nam. 10 năm hợp tác nông nghiệp tại vùng châu thổ sông Hồng. Lời giới thiệu của Bertrand Hervieu. Gret-Karthala. Paris. Pháp, 291 trg. (2002)</i>
Nhiều tác giả	<i>Những cách tiếp cận mới vì sự phát triển nông nghiệp (tuyển tập ảnh được giới thiệu trong hội thảo cùng tên vào tháng 9/2002). NXB Nông nghiệp. Hà Nội. Pháp, Anh và Việt, 67 trg (2002)</i>
Jean-Christophe Castella, Dang Dinh Quang (Eds)	<i>Đổi mới ở miền núi: chuyển đổi sử dụng đất và chiến lược sản xuất của nông dân tỉnh Bắc Cạn. IRD/IRRI/VASI, NXB Nông nghiệp. Hà Nội. Tiếng Anh và Việt, 283 trg (2002)</i>
Fanny Quertamps, Hubert de Bon, Nicolas Beaudoin (Eds)	<i>Sự phát triển của khu vực ngoại ô thành phố Hà Nội. Những thách thức mới. Tài liệu giới thiệu về dự án hợp tác của Pháp tại Việt Nam. ĐSQ Pháp tại CHXHCN Việt Nam. Hà Nội. Pháp và Việt, 138 trg (2002)</i>
Dang The Phong	<i>Mô hình và đặc trưng hoạt động của hệ thống thủy lợi tại đồng bằng sông Hồng. Mô hình của đập Bắc Hưng Hải. Luận án tiến sỹ, Engref Montpellier. Dự án sông Hồng. Tiếng Pháp (2002)</i>
Jean-Marie Cour	<i>Di cư, đô thị hóa và sự biến chuyển của nông thôn Việt Nam. Bộ Ngoại giao, ISTED. Paris. Pháp, 43 trg (2001)</i>
Jean-Philippe Fontenelle, Dao The Anh, Pierre Defourmy, Dao The Tuan (Eds)	<i>Atlas về đập Bắc Hưng Hải. Quản lý tưới tiêu và vùng nông nghiệp đa canh Bắc Hưng Hải, đồng bằng sông Hồng, Việt Nam. Gret- Vasi- NXB Nông nghiệp. Hà Nội. Anh và Việt, 58 trg (2001)</i>
Christophe Gironde	<i>Cải cách và những biến chuyển của nền kinh tế gia đình ở miền Bắc Việt Nam. Luận án tiến sỹ. Học viện nghiên cứu phát triển. Genève. Pháp (2001)</i>
Jean-François Lecoq	<i>Tự do hoá kinh tế ở Việt Nam, thâm canh và đa canh cây lúa nước. Mô hình của Ô Môn (đồng bằng sông Cửu Long). Luận án tiến sỹ, INA Paris- Grignon. Pháp (2001)</i>



Nhiều tác giả

Nông nghiệp và tầng lớp nông dân Việt Nam. Kỷ yếu các bài tham luận trong hội thảo cùng tên được tổ chức ngày 27/2/1999 tại Paris. Hội Hữu nghị Việt - Pháp. L. Harmattan, Paris. Pháp, 182 trg (2000)

Programme Fleuve Rouge

Nghiên cứu và phát triển nông nghiệp vùng miền núi. Gret- Vasi - NXB Nông nghiệp. Hà Nội. Việt, 135 trg (2000)

Nhiều tác giả

Hỗ trợ tổ chức nông nghiệp miền Bắc Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo tổ chức tại Hà Nội từ 11 - 13/10/1999. NXB Nông nghiệp. Hà Nội. Pháp và Việt, 388 trang. (1999)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN NGÀNH

BDPA, Dagris, Agropol, Crad

Nghiên cứu chuyên ngành về dầu thực vật tại Việt Nam - Vocarimex- Cơ quan phát triển Pháp. Hà Nội. Pháp, Việt, 1 tập, 150 trg + phụ lục (2003)

Nhiều tác giả

Kỷ yếu Hội thảo "Chăn nuôi ở Việt Nam", tổ chức tại Hà Nội các ngày 25 và 26/10/2002. Ấn phẩm PRISE. Hà Nội, Anh (2003)

Nhiều tác giả

Bảo vệ và khai thác các nguồn gen để phát triển nông nghiệp bền vững tại Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo tại Hà Nội ngày 24/2/2003. Chính quyền địa phương tỉnh Corse, Cirad, Inra, NIPP, Vasi, AGI, Sofri. Hà Nội, Pháp, Anh và Việt, 138 trg + phụ lục (2003)

Vu Trong Binh

Chất lượng thịt lợn, yếu tố tổ chức của các nhà sản xuất vùng đồng bằng sông Hồng. Luận án tiến sỹ, INA Paris- Grignon. Dự án sông Hồng. Pháp, 300 trg (2002)

Robert Hirsch

Trồng cao su tại Việt Nam. Quỹ phát triển Pháp. Pháp, 15 trg (2001)

SATEC-CCIT

Nghiên cứu chuyên sâu về hậu thu hoạch lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Quỹ phát triển Pháp. Hà Nội. Pháp, 3 tập, 125 trg + phụ lục (2000)

Frédéric Fortunel

Cà phê Việt Nam, từ thời kỳ thuộc địa đến thời kỳ phát triển của một nước sản xuất lớn. L. Harmattan, Collection Points sur l'Asie. Paris. Pháp, 172 trg (2000)

Sophie Franchette

Lĩnh vực rừng tại Việt Nam. Chương trình thực tập năm 2 tại Cerdi. Quỹ phát triển Pháp. Hà Nội. Pháp, 38 trg + phụ lục (2000)

Katell Le Goulven

Quy định của thể chế và hội nhập thị trường. Thương mại hoá thịt lợn ở Việt Nam. Luận án tiến sỹ ENSAM, INA-ESR, Montpellier. Pháp, 400 trg (2000)

Ersuc

Nghiên cứu triển vọng lĩnh vực mía đường Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. Quỹ phát triển Pháp. Hà Nội. Pháp, 2 tập, 194 trg (1999)

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM

ĐÃ ẤN HÀNH

- n°1 - 2002 - Hoạt động hợp tác của Pháp tại Việt Nam
- n°2 - 2002 - Giáo dục và đào tạo đạo học ở Việt Nam
- n°3 - 2002 - Báo cáo hoạt động năm 2001 của Trung tâm văn hóa và hợp tác Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam
- n°4 - 2002 - Hoạt động hợp tác của Pháp trong lĩnh vực đào tạo tại Việt Nam
- n°5 - 2002 - Phát triển vùng ngoại vi Hà Nội, những thách thức mới
- n°6 - 2002 - Hà Nội, thành phố của hai nền văn hóa Việt Nam và Trung Hoa
- n°7 - 2002 - Chính sách đổi mới tại Việt Nam
- n°8 - 2002 - Hợp tác của Pháp trong lĩnh vực y tế tại Việt Nam
- n°9 - 2002 - Hoạt động của Pháp trong lĩnh vực đô thị tại Việt Nam
- n°1 - 2003 - French Human Resource Training Activities
- n°2 - 2003 - Báo cáo hoạt động năm 2002 của Phòng văn hóa và hợp tác Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam
- n°3 - 2003 - Nước Pháp và tiếng Pháp tại Việt Nam
- n°4 - 2003 - Hoạt động hợp tác của các địa phương của Pháp
- n°5 - 2003 - Hợp tác của Pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

SẴN ẤN HÀNH

- Hợp tác của Pháp trong lĩnh vực môi trường, nước và năng lượng
- Hoạt động hỗ trợ của Pháp cho quá trình chuyển đổi nền kinh tế và chính sách
- Hợp tác của Pháp trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học
- Hợp tác của Pháp trong lĩnh vực văn hóa

AMBA FRANCE VIỆT NAM



Liberté • Egalité • Fraternité
RÉPUBLIQUE FRANÇAISE

Đại sứ quán Pháp tại Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
57, Trần Hưng Đạo - Hà Nội - ĐT: 943 77 19 - www.ambafrance-vn.org
